

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THANH TÌNH

**KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN  
KINH DOANH THƯƠNG MẠI QUA THỰC TIỄN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 60.38.01.07**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**PGS.TS. Hà Thị Mai Hiên**

**HÀ NỘI, 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào khác.*

**Tác giả luận văn**

**Lê Thanh Tình**

## MỤC LỤC

<b>Mở đầu</b> .....	<b>01</b>
<b>Chương 1: Cơ sở lý luận của pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại</b> .....	<b>06</b>
1.1. Khái niệm và đặc điểm kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại .....	06
1.2. Quy định chung về cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án ..	13
1.3. Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự.....	14
1.4. Quy định của pháp luật về kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại .....	15
<b>Chương 2. Thực hiện pháp luật về kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại qua thực tiễn tỉnh Thái Bình</b> .....	<b>37</b>
2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình .....	37
2.2. Tình hình thi hành án kinh doanh, thương mại tại Thái Bình .....	38
2.3. Một số vụ việc thi hành án kinh doanh, thương mại điển hình tại Thái Bình ...	43
<b>Chương 3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại</b> .....	<b>59</b>
3.1. Những hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong việc kê biên, xử lý tài sản thi hành án kinh doanh, thương mại qua thực tiễn tỉnh Thái Bình.....	59
3.2. Nguyên nhân .....	66
3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại .....	67
<b>Kết luận</b> .....	<b>73</b>
<b>Danh mục tài liệu tham khảo</b> .....	<b>74</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trải qua 70 năm hình thành và phát triển, từ năm 1946 đến nay công tác thi hành án dân sự đã đạt được nhiều thành công, khẳng định được vị thế trong đời sống pháp luật, xã hội và ngày càng nhận được sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Hoạt động thi hành án dân sự từ chỗ chỉ có nhân viên thi hành, sau đó hình thành Chấp hành viên thuộc Tòa án, đến năm 1993 cơ quan Thi hành án tách ra từ Tòa án và cho đến nay là hệ thống Thi hành án dân sự độc lập.

Thi hành án kinh doanh, thương mại là một loại việc trong thi hành án dân sự. Những năm gần đây, cả nước nói chung và tại tỉnh Thái Bình nói riêng, số vụ việc thi hành án kinh doanh, thương mại ngày càng nhiều, số tiền phải thi hành chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số tiền thi hành án dân sự. Việc tổ chức thi hành loại án này gặp rất nhiều khó khăn phức tạp, như: người phải thi hành án hầu hết đều liên quan đến doanh nghiệp, tài sản phải xử lý cũng hết sức đa dạng, phong phú, mang tính đặc thù, như: nhà xưởng, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu, đất đai... Để thi hành loại án này nhất là phải áp dụng biện pháp kê biên cần thiết phải có sự tham gia phối hợp tích cực của rất nhiều cơ quan hữu quan và liên quan đến nhiều quy định pháp luật khác nhau. Việc tiếp cận với án kinh doanh, thương mại của Chấp hành viên cơ quan Thi hành án còn nhiều hạn chế, trình tự thủ tục và các vấn đề liên quan đến tổ chức thi hành án cũng còn nhiều bất cập. Hiện nay, tỷ lệ thi hành án kinh doanh, thương mại kết quả rất thấp, đặc biệt số tiền phải thi hành chuyển kỳ sau rất lớn, dẫn đến việc một số năm gần đây nhiều cơ quan thi hành án không hoàn thành chỉ tiêu thi hành án về tiền, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân không được đảm bảo.

Xuất phát từ những trở ngại về công tác thi hành án dân sự nói chung và thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng, mong muốn nâng cao nhận thức cho bản thân và hy vọng sẽ đóng góp được một phần nhỏ bé vào việc nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động thi hành án kinh doanh, thương mại, nhất là công tác này ở tỉnh Thái Bình, tôi đã chọn đề tài “Kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại qua thực tiễn tỉnh Thái Bình” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định Nhà nước cộng hòa xã chủ nghĩa Việt Nam là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Để đảm bảo những yêu cầu đó, trong nhà nước pháp quyền phải có hình thức tổ chức quyền lực nhà nước thích hợp và có cơ chế giám sát sự tuân thủ pháp luật, xử lý các vi phạm pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được áp dụng chuẩn xác, nhưng không mất đi sự linh hoạt, tính sáng tạo.

Trong những năm vừa qua, công tác thi hành án dân sự đã từng bước được xây dựng và trưởng thành cả về cơ sở pháp lý và thực tiễn áp dụng. Với các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự như Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, các văn bản hướng dẫn thi hành ngày càng được cải cách và phù hợp với thực tiễn hơn. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan như Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Bộ luật dân sự 2015, Luật Đất đai 2013, Luật Doanh nghiệp năm 2014 .... và các văn bản dưới luật với những điểm mới, hoàn thiện và tiến bộ đã giúp cho việc tổ chức thi hành án dân sự được thực hiện một cách có hiệu quả trong thực tiễn.

Trước đòi hỏi khách quan của công tác thi hành án dân sự thời gian qua đã có một số công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề thi hành án dân sự, cụ thể là:

- Đề tài: "*Thi hành án dân sự, thực trạng và hướng hoàn thiện của Dự án VIE/98/001*" do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện dự án.

- Luận án tiến sĩ Luật học: "*Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*", của Nguyễn Thanh Thủy, năm 2008;

- Luận văn Thạc sỹ "*Thực tiễn thi hành án dân sự ở tỉnh Thái Bình*" của tác giả Đỗ Thị Lý, năm 2011;

- Thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản thi hành án dân sự và một số khuyến nghị - Tác giả: Ths. Trần Công Thịnh, Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội;

- Những khó khăn, vướng mắc khi thi hành bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến các tổ chức tín dụng để thu hồi nợ - Tác giả: Phạm Quang Dũng – Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội;

Bên cạnh đó là *Sổ tay Chấp hành viên của Nhà xuất bản Thống kê năm 2009 và Nhà xuất bản Tư pháp năm 2012; Tài liệu tập huấn triển khai các nội dung mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự, các văn bản hướng dẫn thi hành; một số bài viết đăng trên các tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí Luật học, Tạp chí Nhà nước và pháp luật...*

Những công trình nêu trên đã có nội dung nghiên cứu về thi hành án dân sự ở những khía cạnh, góc độ và mức độ khác nhau. Trong một số công trình cũng đã đề cập đến việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự ở một số địa phương cụ thể, nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu biện pháp cưỡng chế kê biên, bán đấu giá theo luật thi hành án được sửa đổi, bổ sung năm 2014 ở tỉnh Thái Bình trong điều kiện pháp luật thi hành án dân sự đã có sự thay đổi căn bản như hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu của luận văn**

Thông qua luận văn, tôi đề cập về thể chế và thực trạng việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình trong những năm gần đây. Nêu và phân tích những nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình. Từ đó, đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự nói chung và việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình nói riêng.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn**

*Thứ nhất*, nghiên cứu tổ chức, kết quả hoạt động THADS, đặc biệt là hoạt động cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại qua thực tiễn tỉnh Thái Bình sau khi Luật THADS đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/7/2014.

*Thứ hai*, đánh giá chân thực và toàn diện thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại Thái Bình, từ đó đi sâu phân tích những kết quả đã đạt được và những hạn chế, tồn tại trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại và làm rõ nguyên nhân của thực trạng đó.

*Thứ ba*, xây dựng những quan điểm, đề xuất các giải pháp kịp thời và lâu dài nhằm đảm bảo việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong THADS nói chung và trong loại án kinh doanh, thương mại nói riêng được chuẩn xác, thống nhất trong hệ thống cơ quan THADS ở Việt Nam.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

Kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại là vấn đề tương đối rộng, có thể nhìn nhận, đánh giá từ nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, luận văn chỉ tập trung nghiên cứu về các quy định cơ bản về thi hành án kinh doanh, thương mại với thực trạng kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình. Luận văn có sự tiếp thu và kế thừa một cách có chọn lọc những kết luận đã được công bố trong thời gian qua.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn**

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của Triết học duy vật biện chứng và Triết học duy vật lịch sử Mác - Lênin, chú trọng các phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, phân tích, tổng hợp, lịch sử, cụ thể và một số phương pháp nghiên cứu khác như so sánh, thống kê tổng hợp, tham khảo các tài liệu về lĩnh vực thi hành án dân sự của một số địa phương để qua đó đánh giá thực trạng việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình từ năm 2013 đến tháng 6 năm 2016 (9 tháng năm 2016).

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- Luận văn đã đưa ra và luận giải được một số quan điểm cơ bản về khái niệm kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại; trình tự, thủ tục thực hiện việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại; góp phần bổ sung, làm phong phú thêm cho hoạt động nghiên cứu khoa học về pháp luật trong lĩnh vực THADS.

- Đánh giá đúng thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình hiện nay, phân tích những kết quả đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại, nguyên nhân trong thực tiễn áp dụng của những hoạt động cưỡng chế này.

- Đưa ra những giải pháp đảm bảo các biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực, chất lượng công tác thi hành án dân sự và thi hành án kinh doanh, thương mại.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn trình bày các nội dung chính sau:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận của pháp luật về kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại;

**Chương 2:** Thực hiện pháp luật về kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại qua thực tiễn tỉnh Thái Bình;

**Chương 3:** Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại.



# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI

### **1.1. Khái niệm và đặc điểm kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại**

#### **1.1.1. Khái niệm kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại.**

Điều 106 Hiến pháp năm 2013 quy định “*Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”. Để các bản án, quyết định của Tòa án được thi hành trên thực tế, trong quá trình tổ chức thi hành án cơ quan thi hành án luôn lựa chọn biện pháp vận động, thuyết phục người phải thi hành án tự nguyện thi hành án. Tuy nhiên, không phải lúc nào người phải thi hành án cũng tự nguyện thi hành án theo đúng phán quyết của Tòa án. Trong rất nhiều trường hợp, người phải thi hành án có điều kiện nhưng không tự nguyện thi hành án, buộc cơ quan thi hành án phải tổ chức cưỡng chế theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cưỡng chế Thi hành án là biện pháp mà các cơ quan Thi hành án áp dụng để buộc người phải thi hành án chấp hành phán quyết của Tòa án. Liên quan đến các quy định về cưỡng chế thi hành án tại Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 có đến 69/183 điều. Theo các quy định hiện hành của pháp luật Thi hành án dân sự thì có 06 biện pháp cưỡng chế thi hành án, trong đó biện pháp kê biên, xử lý tài sản chỉ áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành án bằng tiền, được quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Đây là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất, chiếm tỷ lệ lớn nhất trong các biện pháp cưỡng chế mà cơ quan thi hành án áp dụng.

Việc kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án chính là việc cơ quan Thi hành án dân sự tước đi quyền định đoạt đối với tài sản của chủ sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản. Do đó, bên cạnh việc đảm bảo quyền và lợi ích của người

được thi hành án theo phán quyết của Tòa án thì cũng phải đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người phải thi hành án đối với tài sản bị kê biên, xử lý nên trình tự thủ tục kê biên, xử lý được quy định hết sức chặt chẽ qua nhiều giai đoạn từ tiến hành kê biên, định giá tài sản, bán đấu giá tài sản và giao tài sản cho người mua trúng đấu giá.

Theo khái niệm của Từ điển Luật học thì: Kê biên, xử lý tài sản là biện pháp cưỡng chế nhằm đảm bảo việc thi hành án. Trong thời gian kê biên, đối tượng bị áp dụng bị hạn chế quyền về tài sản [19, tr 243].

Như vậy có thể nói *kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại là một trong các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự do cơ quan Thi hành án có thẩm quyền áp dụng nhằm đảm bảo việc thi hành các bản án kinh doanh, thương mại. Trong thời gian kê biên, đối tượng bị áp dụng biện pháp kê biên bị hạn chế quyền về tài sản.*

### **1.1.2. Đặc điểm kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại**

Kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại có những đặc điểm chung của biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án. Đồng thời, cũng mang đặc điểm riêng của việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại.

#### *1.1.2.1. Đặc điểm chung của biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản:*

- Thể hiện quyền năng đặc biệt của Nhà nước và được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của Nhà nước;
- Được Chấp hành viên áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án nhằm buộc họ phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo bản án, quyết định của Tòa án;
- Đối tượng của các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là tài sản hoặc hành vi của người phải thi hành án mà cụ thể đối tượng của biện pháp kê biên là tài sản của người phải thi hành án;

- Người bị áp dụng biện pháp kê biên tài sản thi hành án ngoài việc phải thực hiện các nghĩa vụ trong bản án, quyết định của Tòa án mà họ còn phải chịu mọi chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự;

- Biện pháp cưỡng chế được Chấp hành viên quyết định áp dụng có hiệu lực đối với người phải thi hành án dân sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Mọi tài sản của người phải thi hành án đều có thể bị kê biên để thi hành án trừ những tài sản không được kê biên đã được quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án dân sự (THADS).

- Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án (khoản 1 Điều 90 Luật THADS);

- Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản nào khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62).

- Trường hợp có tranh chấp về tài sản kê biên thì Chấp hành viên vẫn tiến hành kê biên cưỡng chế và yêu cầu đương sự, người có tranh chấp khởi kiện ra Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết (khoản 1 Điều 75 Luật THADS).

- Đối với tài sản kê biên thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đất hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật thì khi kê biên, xử lý tài sản đã kê biên Chấp hành viên phải thông báo cho các cơ quan liên quan biết (Điều 89 Luật THADS).

### *1.1.2.2. Đặc điểm riêng của kê biên tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại*

Ngoài những đặc điểm chung của việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự nói chung, có thể thấy rằng chủ thể của án kinh doanh, thương mại chủ yếu là các doanh nghiệp - “Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế được thành lập nhằm mục đích chủ yếu là thực hiện các hoạt động kinh doanh, nghĩa là thực hiện một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi” [30, tr 133] do vậy, việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại ngoài những đặc điểm của kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự còn có những đặc điểm riêng như sau:

- Thứ nhất: Chủ thể của án kinh doanh, thương mại thường là doanh nghiệp. Do vậy, khi kê biên, xử lý tài sản đối với các chủ thể này cần phải xác định rõ loại hình doanh nghiệp để có cơ sở pháp lý xem xét tư cách chủ thể, từ đó mới có thể có cơ chế giải quyết đối với từng chủ thể trong vụ việc cụ thể ví dụ như chủ thể là doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp tham gia giải quyết và có thể có ý kiến quyết định về các nội dung liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc nhưng vụ việc thi hành án mà đương sự là công ty cổ phần thì phải xem xét xem tại điều lệ công ty xem có quy định cho tổng giám đốc, giám đốc có đại diện để giải quyết các vấn đề xử lý tài sản doanh nghiệp hay không hay người đó chỉ đại diện và quyết định trong các quan hệ trong sản xuất kinh doanh hoặc một số công việc nhất định - trong trường hợp này cơ quan thi hành án phải hết sức thận trọng trong quá trình tiến hành các trình tự thủ tục thi hành án, tránh tình trạng người tham gia ký kết văn bản không có thẩm quyền để quyết định những nội dung, những vấn đề mà họ không có quyền quyết định, ký kết.

- Thứ hai: Đối với tài sản phải kê biên, xử lý trong thi hành án kinh doanh, thương mại cũng phức tạp hơn tài sản phải kê biên, xử lý trong các loại việc dân sự khác. Tài sản phải kê biên, xử lý để thi hành án kinh doanh, thương mại có tính đặc thù - hầu hết là tài sản của doanh nghiệp phải kê biên như nhà xưởng, máy móc,

nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa, những tài sản này nhiều khi có giá trị rất lớn, mang yếu tố kỹ thuật, công nghệ...do vậy nếu không nắm được các quy định của pháp luật có liên quan và xử lý không triệt để sẽ dẫn đến khiếu nại, vi phạm và nhiều trường hợp phải bồi thường số tiền rất lớn. Nhiều tài sản của người phải thi hành án là doanh nghiệp còn gắn với đất thuê trả tiền hàng năm của Nhà nước nên khi kê biên, xử lý thì gắn với nhiều vấn đề nảy sinh phải giải quyết ví như: tiền doanh nghiệp bỏ ra để san lấp, tiền xây tường dậu, các đầu tư khác, rất nhiều vấn đề liên quan phải xử lý đối với tài sản kê biên trong các vụ án kinh doanh, thương mại. Liên quan đến xử lý tài sản kê biên để thi hành án kinh doanh, thương mại đối với công ty cổ phần còn phải xem xét đến việc thực hiện phần vốn góp của các thành viên góp vốn mới có thể xử lý đảm bảo việc thi hành án, đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Thứ ba: Việc kê biên xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại trên thực tế nảy sinh rất nhiều vấn đề liên quan đến người lao động, đây là vấn đề rất nhạy cảm và phức tạp mà về mặt pháp luật cũng rất hạn chế, hầu như không có quy định làm cơ sở để giải quyết phát sinh trong vấn đề này, thực tiễn khi kê biên tài sản của các doanh nghiệp đang có người lao động là vấn đề rất phức tạp và khó khăn, nhiều trường hợp cơ quan thi hành án lúng túng không biết xử lý ra sao, dẫn đến chậm trễ thi hành án hoặc vi phạm khác, có trường hợp còn dẫn đến khiếu kiện đông người, gây mất ổn định an ninh, chính trị địa phương.

- Thứ tư: Tài sản phải kê biên xử lý trong thi hành án kinh doanh, thương mại thường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đặc biệt liên quan đến vấn đề an sinh xã hội và người lao động nên không kê biên các tài sản: “Sổ thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động; nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh; trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường” (Khoản 3 Điều 87 Luật THADS).

Cơ quan thi hành án dân sự chỉ kê biên tài sản khác của doanh nghiệp phải thi hành án, nếu sau khi đã khấu trừ tài khoản, xử lý vàng, bạc, đá quý, kim khí quý khác, giấy tờ có giá của doanh nghiệp đang do doanh nghiệp quản lý hoặc đang do người thứ ba giữ mà vẫn không đủ để thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định có quyết định khác hoặc đương sự có thỏa thuận khác (Khoản 5 Điều 24 Nghị định số 62)

- Thứ năm: Việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại phải tiến hành đồng bộ nhiều thủ tục, không chỉ với doanh nghiệp phải thi hành án mà còn liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân như cơ quan quản lý kinh doanh, cơ quan bảo hiểm, cơ quan tài nguyên môi trường, chính quyền sở tại... nên rất khó khăn và phức tạp, lượng việc mà cơ quan thi hành án phải thực hiện là rất nhiều và khó thực hiện.

- Thứ sáu: Hiện nay hầu hết các án kinh doanh, thương mại tài sản phải kê biên, xử lý để thi hành án liên quan đến thế chấp tại các tổ chức tín dụng, do đó theo quy định của pháp luật dân sự thì khi xử lý tài sản phải ưu tiên thanh toán cho bên nhận thế chấp, cầm cố. Tuy nhiên Luật thi hành án quy định nếu tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ thế chấp thì cơ quan thi hành án phải kê biên, xử lý để đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án nhưng hiện không có quy định để thực hiện việc xác định xem tài sản đó có lớn hơn nghĩa vụ thế chấp hay không.

- Thứ bảy: Đối với kê biên tài sản chung hay giải quyết tranh chấp về hợp đồng bán đấu giá, Luật Thi hành án dân sự quy định đương sự hoặc Chấp hành viên yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn chưa quy định cách thức, thủ tục để thực hiện nội dung này. Do đó, trên thực tế phát sinh những vấn đề này rất khó xử lý, giải quyết.

Trước khi Luật Thi hành án dân sự ra đời, tại Thông tư liên tịch số 119-TT/LT ngày 04/6/1997 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn kê biên tài sản của doanh nghiệp để đảm bảo thi hành án.

Đến Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 thì việc quy định các tài sản không được kê biên của doanh nghiệp không được ghi nhận tại Pháp lệnh mà chỉ được ghi nhận tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ quy định về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự.

Có thể thấy, từ Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993 đến Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành tương ứng đã có sự vận động và hoàn thiện dần các quy phạm để phù hợp với bản chất các mối quan hệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các doanh nghiệp. Đặc biệt, từ chỗ Thông tư liên tịch số 119 quy định việc Chấp hành viên không được kê biên tài sản đã được cầm cố, thế chấp hợp pháp (điểm Đ khoản 3 Mục I) thì tại khoản 4 Điều 41 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 và tại Điều 90 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 đã cho phép Chấp hành viên vẫn có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án. Điều này thể hiện sự tiến bộ, công bằng của thể chế đối với quyền lợi của không những người nhận cầm cố, thế chấp tài sản mà còn bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án.

Chấp hành viên thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án theo định kỳ hàng ngày, tuần, tháng, quý hoặc năm tùy theo tính chất ngành nghề kinh doanh của người phải thi hành án.

Khi xác định mức tiền thu từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án, Chấp hành viên căn cứ vào kết quả kinh doanh trên cơ sở sổ sách, giấy tờ và tình hình kinh doanh thực tế của người phải thi hành án (khoản 1 Điều 22 Nghị định số 62).

Như vậy có thể thấy rằng, kê biên xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại có những đặc điểm rất riêng, có thể khẳng định nó có tính chất

phức tạp hơn kê biên xử lý tài sản trong thi hành án dân sự rất nhiều bởi những vấn đề như tác giả đã nêu ở trên.

## **1.2. Quy định chung về cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án**

### **1.2.1. Cơ sở pháp lý**

Cưỡng chế thi hành án dân sự là một biện pháp nghiêm khắc nhất trong quá trình Chấp hành viên tổ chức thi hành án. Do đó, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 quy định rất chặt chẽ về cưỡng chế trong thi hành án dân sự, đặc biệt biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án.

Tại Điều 70 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì căn cứ để cưỡng chế kê biên tài sản thi hành án bao gồm:

- “1. Bản án, quyết định;*
- 2. Quyết định thi hành án;*
- 3. Quyết định cưỡng chế thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong tỏa tài sản, tài khoản và trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án”.*

Về cơ bản, Điều 70 Luật sửa đổi, bổ sung vẫn giữ nguyên 03 căn cứ để cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 70 Luật THADS 2008. Tuy nhiên, đã bổ sung bản án, quyết định được làm căn cứ để cưỡng chế thi hành án là phán quyết của Trọng tài thương mại và quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án cũng có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án.

- Điều 9 Luật THADS năm 2008 quy định "Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật này".



- Điều 46 Luật THADS quy định "Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế...".

Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 còn quy định riêng Chương IV, từ Điều 66 đến Điều 113 về áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự liên quan đến biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án.

Ngoài ra, việc cưỡng chế thi hành án còn được quy định cụ thể hơn trong Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự tại Điều 13 và từ Điều 17 đến Điều 27.

### **1.2.2. Điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án**

Để áp dụng được biện pháp cưỡng chế thi hành án, cần phải hội đủ các điều kiện sau đây: Người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản hoặc phải thực hiện hành vi theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án. Và theo khoản 6 Điều 3 Luật THADS năm 2008, "*có điều kiện thi hành án là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án*".

### **1.3. Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án dân sự**

Cưỡng chế thi hành án dân sự là một biện pháp nghiêm khắc nhất, do đó, Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án không được áp dụng một cách tùy tiện mà phải tuân thủ những nguyên tắc nhất định sau:

- Chỉ được áp dụng biện pháp cưỡng chế sau khi đã hết thời hạn tự nguyện thi hành án trừ trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

- Cơ quan thi hành án không tổ chức cưỡng chế thi hành án trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định (khoản 2 Điều 46 Luật Thi hành án dân sự).

- Cơ quan thi hành án dân sự không tổ chức cưỡng chế có huy động lực lượng trong thời gian 15 ngày trước và sau Tết Nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách, nếu họ là người phải thi hành án; các trường hợp đặc biệt khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương (khoản 2 Điều 13 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ).

- Việc tổ chức cưỡng chế phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định 62. Chấp hành viên phải ước tính giá trị tài sản để làm cơ sở cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia sẽ làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án (điểm 2 khoản 1 Điều 13 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ).

#### **1.4. Quy định của pháp luật về kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại**

Kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại là một biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định của khoản 3 Điều 71 Luật THADS:

*“Điều 71. Biện pháp cưỡng chế thi hành án*

.....

*3. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ.*

.....”

Do vậy, để thực hiện việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại, pháp luật cũng có những quy định cụ thể như sau:

#### **1.4.1. Trình tự kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trong thi hành án kinh doanh, thương mại**

##### ***1.4.1.1. Về xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án trước khi tiến hành cưỡng chế:***

Xác minh điều kiện thi hành án dân sự nói chung và điều kiện để cưỡng chế thi hành án dân sự nói riêng là khâu rất quan trọng để bảo đảm cho việc thực hiện cưỡng chế thi hành án thành công. Vì thế phải xác minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 44 Luật THADS; Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 và mục 1 Chương II của Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BTP-BTC-BLĐT BXH-NHNNVN ngày 14/01/2014.

Điều 44 Luật sửa đổi, bổ sung đã sửa đổi một cách căn bản quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án liên quan đến việc xác minh điều kiện thi hành án. Đồng thời, Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ đã quy định cụ thể về thời hạn, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của cơ quan Thi hành án, Chấp hành viên và người phải thi hành án trong việc xác minh điều kiện thi hành án.

##### ***1.4.1.2. Lựa chọn và áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án***

Chấp hành viên căn cứ nội dung bản án, quyết định; tính chất, mức độ, nghĩa vụ thi hành án; điều kiện của người phải thi hành án; đề nghị của đương sự và tình hình thực tế của địa phương để lựa chọn việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án thích hợp. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết. Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành án (điểm 2 khoản 1 Điều 13 Nghị định số 62).

##### ***1.4.1.3. Về xây dựng kế hoạch cưỡng chế***

Việc xây dựng kế hoạch cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 72 Luật THADS năm 2008 gồm các nội dung: Biện pháp cưỡng chế cần áp dụng; thời

gian, địa điểm cưỡng chế; phương án tiến hành cưỡng chế; yêu cầu về lực lượng tham gia và bảo vệ cưỡng chế; dự trù chi phí cưỡng chế. Đồng thời, phải gửi ngay kế hoạch cưỡng chế cho Viện kiểm sát, cơ quan Công an cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án. Thống nhất với cơ quan Công an về bảo vệ cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30/3/2012 của Bộ Tư pháp và Bộ Công an.

Thời hạn cơ quan Công an có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và lập phương án bảo vệ cưỡng chế (03 ngày, kể từ ngày nhận được kế hoạch cưỡng chế của cơ quan thi hành án) đã được luật hóa tại khoản 4 Điều 72 Luật sửa đổi, bổ sung (đây chính là nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30/3/2012 của Bộ Tư pháp và Bộ Công an).

Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án cấp tỉnh và cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cùng cấp, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án cấp quân khu báo cáo Tư lệnh quân khu ít nhất là 05 ngày làm việc trước khi tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 172, khoản 2 Điều 173 và khoản 2 Điều 174 của Luật THADS.

#### ***1.4.1.4. Thông báo việc cưỡng chế thi hành án***

Bảo đảm thực hiện đúng quy định về thông báo thi hành án dân sự nói chung, với hình thức thông báo phù hợp với từng vụ việc cụ thể. Thông báo cho tất cả các đối tượng được thông báo, nhưng đặc biệt chú ý đối với những người phải thi hành án, đồng chủ sở hữu và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án. Các văn bản liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án được thông báo theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 39, 40, 41, 42, 43 Luật THADS 2008; Điều 7 Thông tư liên tịch số 14.

Luật sửa đổi, bổ sung Luật THADS năm 2014 quy định bổ sung việc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng còn có thể được thực hiện công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp. Đồng thời, điểm a, khoản 1 Điều

7b Luật sửa đổi, bổ sung cũng đã luật hóa nội dung quy định việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền được thông báo, tham gia vào việc thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành án mà mình có liên quan.

- Việc thông báo về cưỡng chế thi hành án được thông báo theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 39 đến Điều 43 Luật sửa đổi, bổ sung; Điều 12 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư liên tịch số 14.

- Đối với vụ việc liên quan đến người nước ngoài cần thông báo đến nước ngoài thì việc thực hiện việc ủy thác tư pháp thông qua Vụ pháp luật quốc tế thuộc Bộ Tư pháp theo quy định tại Điều 181 Luật sửa đổi, bổ sung, Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và Luật Tương trợ tư pháp.

#### ***1.4.1.5. Một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện cưỡng chế kê biên thi hành án***

- Trước khi kê biên tài sản là bất động sản ít nhất là 03 ngày làm việc, Chấp hành viên thông báo cho đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện tổ dân phố nơi tổ chức cưỡng chế, đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, tài sản kê biên, trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án.

Trường hợp đương sự vắng mặt thì có thể ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Trường hợp đã được thông báo hợp lệ mà đương sự hoặc người được ủy quyền vắng mặt thì Chấp hành viên vẫn tiến hành kê biên, nhưng phải mời người làm chứng và ghi rõ vào nội dung biên bản kê biên. Trường hợp không mời được người làm chứng thì Chấp hành viên vẫn tiến hành việc kê biên nhưng phải ghi rõ vào nội dung biên bản kê biên.

Khi kê biên đồ vật, nhà ở, công trình kiến trúc nếu vắng mặt người phải thi hành án hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó mà phải mở khóa, phá khóa, mở gói thì Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật THADS 2008.

- Việc kê biên tài sản phải lập biên bản. Biên bản phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm kê biên, họ, tên Chấp hành viên, đương sự hoặc người được ủy quyền, người lập biên bản, người làm chứng và người có liên quan đến tài sản; diễn biến của việc kê biên; mô tả tình trạng từng tài sản, yêu cầu của đương sự và ý kiến của người làm chứng.

Biên bản kê biên có chữ ký của đương sự hoặc người được ủy quyền, người làm chứng, đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện tổ dân phố nơi tổ chức cưỡng chế, Chấp hành viên và người lập biên bản.

- Kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm mà người phải thi hành án bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố tài sản của mình cho người khác, không thừa nhận tài sản là của mình mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu có tranh chấp thì Chấp hành viên hướng dẫn đương sự thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo mà không có người khởi kiện thì cơ quan thi hành án xử lý tài sản để thi hành án.

Kể từ thời điểm có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc trong trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà tài sản bị bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố cho người khác, người phải thi hành án không thừa nhận tài sản là của mình thì bị kê biên, xử lý để thi hành án (khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14).

- Thủ tục giải quyết yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, đương sự về việc xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản hoặc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản phát sinh trong quá trình thi hành án thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 4 Điều 179 Luật THADS được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo mà không có người khởi kiện thì cơ quan thi hành án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật, trường hợp có người khởi kiện thì cơ quan thi hành án chỉ xử lý tài sản khi có bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14).

- Trường hợp người phải thi hành án đề nghị kê biên tài sản cụ thể trong số nhiều tài sản mà việc đề nghị không gây trở ngại cho việc thi hành án và tài sản đó đủ để thi hành án và các chi phí liên quan thì Chấp hành viên lập biên bản giải thích cho đương sự về việc phải chịu mọi chi phí liên quan đối với việc xử lý tài sản đó

và tiến hành kê biên tài sản để thi hành án. Đương sự không bị hạn chế quyền thực hiện giao dịch đối với các tài sản khác còn lại.

Trường hợp tài sản mà người phải thi hành án đề nghị kê biên không đủ để thi hành các nghĩa vụ thi hành án và các chi phí liên quan thì Chấp hành viên phải yêu cầu người phải thi hành án không được thực hiện giao dịch đối với những tài sản khác còn lại (khoản 4 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14).

- Cơ quan thi hành án chỉ kê biên tài sản khác của doanh nghiệp phải thi hành án nếu sau khi đã khấu trừ số dư (tiền Việt Nam, ngoại tệ); xử lý vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, giấy tờ có giá khác; khấu trừ tài sản của người phải thi hành án đang do cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân khác giữ mà vẫn không đủ để thi hành án (khoản 5 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14).

- Trường hợp người phải thi hành nghĩa vụ về thanh toán tiền đã chết mà có để lại tài sản thì cơ quan thi hành án có văn bản thông báo, ấn định thời hạn không quá 30 ngày để người thừa kế hoặc người quản lý di sản của người phải thi hành án thỏa thuận thực hiện. Hết thời hạn này, nếu người thừa kế hoặc người quản lý di sản không thỏa thuận được việc thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với tài sản để lại của người phải thi hành án để đảm bảo thi hành án, đồng thời ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo để những người liên quan đến tài sản thực hiện quyền khởi kiện. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì cơ quan thi hành án xử lý tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 14).

#### ***1.4.1.6. Xử lý tài sản khi cưỡng chế có tranh chấp***

Trường hợp cưỡng chế đối với tài sản của người phải thi hành án mà có tranh chấp với người khác thì Chấp hành viên tiến hành cưỡng chế và yêu cầu đương sự, người có tranh chấp khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Chấp hành viên xử lý tài sản đã kê biên theo quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Chấp hành viên yêu cầu mà đương sự, người có tranh chấp không khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì tài sản được xử lý để thi hành án theo quy định

(Điều 75 Luật sửa đổi, bổ sung Luật THADS năm 2014, khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14).

Luật sửa đổi, bổ sung cũng quy định bổ sung về trách nhiệm của Chấp hành viên trong việc thông báo cho người được thi hành án thực hiện việc khởi kiện yêu cầu Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án khi có căn cứ cho rằng giao dịch đó nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Đồng thời, quy định thời hạn (15 ngày) Chấp hành viên phải thực hiện việc yêu cầu Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với giao dịch đó khi người được thi hành án không yêu cầu (khoản 2 Điều 75 Luật sửa đổi, bổ sung). Bên cạnh đó, Chấp hành viên không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án khi yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, giải quyết tranh chấp về tài sản thi hành án, hủy bỏ giấy tờ liên quan đến giao dịch về tài sản thi hành án (khoản 3 Điều 75 Luật sửa đổi, bổ sung).

#### ***1.4.1.7. Thực hiện cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung***

- Trước khi cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án với người khác, kể cả quyền sử dụng đất, Chấp hành viên phải thông báo cho chủ sở hữu chung biết việc cưỡng chế.

- Chủ sở hữu chung có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của họ đối với tài sản chung. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu chủ sở hữu chung không khởi kiện thì người được thi hành án hoặc Chấp hành viên có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để đảm bảo thi hành án. Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và thông báo cho vợ, chồng biết. Trường hợp vợ hoặc chồng không đồng ý thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phần sở hữu được Chấp hành viên xác định. Hết thời hạn trên, đương sự không khởi kiện thì Chấp hành viên tiến hành xử lý tài sản và thanh toán lại cho vợ hoặc chồng của người phải thi hành án giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ (khoản 1 Điều 74 Luật THADS 2008).



- Theo khoản 2 Điều 74 Luật THADS 2008, đối với tài sản chung có thể chia được thì Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế phần tài sản tương ứng với phần sở hữu của người phải thi hành án; đối với tài sản chung không thể chia được hoặc nếu việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với toàn bộ tài sản và thanh toán lại cho chủ sở hữu chung còn lại giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ.

Theo đó, đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của người phải thi hành án với vợ, chồng thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đồng thời thông báo cho vợ, chồng biết. Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất. Chấp hành viên thông báo kết quả xác định phần sở hữu, sử dụng cho các thành viên trong hộ gia đình biết.

Trường hợp vợ hoặc chồng hoặc thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên thì có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản và trả lại cho họ (điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP).

#### ***1.4.1.8. Thực hiện việc giao, nhận tài sản cưỡng chế thi hành án***

Tài sản đã được giao trên thực tế cho người được nhận tài sản và người đó đã ký nhận vào biên bản giao, nhận tài sản nhưng sau đó bị đương sự chiếm lại thì cơ quan thi hành án dân sự không có trách nhiệm giao lại tài sản cho người được nhận tài sản. Trước đây, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 58 chỉ ghi nhận: Người đã nhận tài sản có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Đến khoản 4 Điều 13 Nghị định số 62 quy định cụ thể hơn, đó là quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự người vi phạm theo quy định của pháp luật đối với hành vi chiếm lại tài sản đó.

#### **1.4.2. Thủ tục kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án**

Chấp hành viên chỉ có thể ra quyết định kê biên tài sản sau khi có kết quả xác minh về tài sản của người phải thi hành án. Chấp hành viên có nhiệm vụ thông báo cho những chủ thể liên quan biết về việc tổ chức kê biên, xử lý tài sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định kê biên, trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại, trốn tránh việc thi hành án. Việc thông báo cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản được quy định từ Điều 38 đến Điều 43, khoản 1 Điều 88 Luật THADS đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Để việc kê biên được khách quan, khi kê biên tài sản phải có mặt của đương sự. Nếu người phải thi hành án hoặc người được đương sự ủy quyền đã được thông báo hợp lệ mà vẫn vắng mặt thì việc kê biên vẫn được tiến hành nhưng phải ghi rõ việc này vào biên bản kê biên. Đồng thời, phải mời người làm chứng. Việc kê biên phải được lập biên bản ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm kê biên, họ tên Chấp hành viên, đương sự hoặc người được ủy quyền, người lập biên bản, người làm chứng và người có liên quan đến tài sản kê biên; diễn biến của việc kê biên; mô tả tình trạng từng tài sản, yêu cầu của đương sự và ý kiến của người làm chứng. Biên bản kê biên phải có chữ ký của đương sự hoặc người được ủy quyền, người làm chứng, đại diện chính quyền cấp xã, đại diện tổ dân phố nơi tổ chức cưỡng chế, Chấp hành viên và người lập biên bản.

Trong các văn bản về thi hành án dân sự trước khi có Luật Thi hành án dân sự năm 2008 chỉ quy định chung chung về kê biên tài sản của người phải thi hành án. Tuy nhiên, Luật Thi hành án dân sự ra đời đã quy định chi tiết việc kê biên các loại tài sản khác nhau trong quá trình tổ chức thi hành án. Cụ thể:

##### ***1.4.2.1. Thủ tục kê biên, xử lý quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án (Mục 5 Chương 4 - Điều 84, 85, 86 Luật THADS):***

Quyền sở hữu trí tuệ dùng để chỉ quyền của chủ thể bao gồm đầy đủ cả ba quyền, đó là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt đối với loại tài sản là trí tuệ. Tài sản trí tuệ là một loại tài sản vô hình, không thể xác định bằng các đặc điểm vật chất của chính nó nhưng lại có giá trị và có khả năng sinh ra lợi nhuận. Vì vậy, để áp dụng biện pháp cưỡng chế này, bên cạnh việc vận dụng các quy định

tương tự của Luật THADS, Chấp hành viên còn cần phải có kiến thức và biết vận dụng các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: quyền tác giả; sáng chế, giải pháp hữu ích; bí mật kinh doanh; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ; chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ hàng hóa; tên thương mại; giống cây trồng mới; thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp [18, tr 150]

Khi kê biên, xử lý tài sản là quyền sở hữu trí tuệ, ngoài những nội dung chung về cưỡng chế, Chấp hành viên cần lưu ý:

Khi kê biên quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án, tùy từng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, Chấp hành viên thu giữ các giấy tờ có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án.

Trường hợp cần thiết, Chấp hành viên yêu cầu tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp về sở hữu trí tuệ thu và quản lý thu nhập, lợi nhuận từ việc sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án sau đó thanh toán cho cơ quan thi hành án dân sự.

Quyền sở hữu trí tuệ được định giá theo Điều 98, 99 Luật THADS đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Việc định giá quyền sở hữu trí tuệ để thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, việc định giá tài sản trí tuệ khó khăn và có nhiều khác biệt hơn so với tài sản hữu hình.

Bán đấu giá quyền sở hữu trí tuệ: được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ.

***1.4.2.2. Thủ tục kê biên tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ:***

Kế thừa các quy định của đoạn 1, 2 khoản 4 Điều 21 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP của Chính phủ, trường hợp này đã được quy định tại Điều 91 Luật THADS. Theo đó, kể cả trong trường hợp tài sản được xác định bằng bản án, quyết định khác thì Chấp hành viên vẫn ra quyết định kê biên tài sản đó để thi hành án. Trong trường hợp người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì Chấp hành viên sẽ cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án.

Tài sản bị kê biên đang cho thuê thì người đang thuê tiếp tục được thuê theo hợp đồng đã giao kết.

#### ***1.4.2.3. Thủ tục kê biên vốn góp của người phải thi hành án:***

Đây là điều luật hoàn toàn mới so với trước khi Luật THADS năm 2008 ra đời và hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của nền kinh tế cạnh tranh, nhiều loại hình doanh nghiệp được thành lập tham gia hoạt động kinh doanh, thương mại trên thị trường. Điều 92 Luật THADS quy định về trường hợp này như sau: Chấp hành viên yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người phải thi hành án có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của người phải thi hành án để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, Chấp hành viên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của người phải thi hành án; trung cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của người phải thi hành án để cưỡng chế thi hành án.

Đương sự có quyền yêu cầu Toà án xác định phần vốn góp của người phải thi hành án.

#### ***1.4.2.4. Thủ tục kê biên phương tiện giao thông của người phải thi hành án***

Điều 96 Luật THADS quy định cụ thể việc tiến hành kê biên loại tài sản là phương tiện giao thông như sau: Người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng phương tiện giao thông phải giao giấy đăng ký phương tiện đó trong trường hợp kê biên phương tiện giao thông của người phải thi hành án để thực hiện nghĩa vụ. Chấp hành viên có thể thu giữ hoặc giao cho người phải thi hành án, người đang quản lý, người đang sử dụng, phương tiện giao thông đang được khai thác sử dụng nhưng họ không được cầm cố, chuyển nhượng hay thế chấp phương tiện đó.

Việc kê biên đối với tàu bay để thi hành án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh bắt giữ tàu bay năm 2010; việc kê biên tàu biển để thi hành án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu biển năm 2008.

#### ***1.4.2.5. Thủ tục kê biên tài sản gắn liền với đất và nhà ở của người phải thi hành án***

Thủ tục này được quy định tại Điều 94 và 95 Luật THADS. Theo đó, khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất thì phải kê biên cả quyền sử

dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên; hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị của tài sản đó.

Nếu nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải thi hành án và gia đình thì Chấp hành viên chỉ được kê biên nếu đã xác định được người phải thi hành án không có tài sản nào khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án. Nếu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất của người khác thì chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất khi người có quyền sử dụng đất đồng ý; nếu người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người phải thi hành án nếu việc tách rời nhà ở và đất không làm giảm đáng kể giá trị nhà.

Khi kê biên nhà ở của người phải thi hành án đang cho thuê, cho ở nhờ thì Chấp hành viên phải thông báo ngay cho người đang thuê, đang ở nhờ biết.

Việc kê biên nhà ở bị khóa được thực hiện như sau: Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang sử dụng, quản lý nhà ở mở khóa; nếu họ không mở hoặc cố tình vắng mặt thì Chấp hành viên tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khóa, phá khóa, trong trường hợp này phải có người làm chứng. Người phải thi hành án phải chịu thiệt hại do việc mở khóa, phá khóa. Trường hợp cần thiết, sau khi mở khóa, phá khóa, Chấp hành viên niêm phong đồ vật và giao bảo quản theo quy định. Việc mở khóa, phá khóa hoặc niêm phong phải lập biên bản, có chữ ký của những người tham gia và người làm chứng.

#### ***1.4.2.6. Thủ tục kê biên quyền sử dụng đất của người phải thi hành án (Điều 110 và Điều 111 Luật THADS)***

Chấp hành viên chỉ kê biên được quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong trường hợp người đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; hoặc thuộc diện quy hoạch phải thu hồi đất nhưng chưa có quyết định thu hồi đất. Các giấy tờ về quyền sử dụng đất phải được người phải thi hành án hoặc người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất nộp đầy đủ cho cơ quan thi hành án dân sự. Nếu có tài sản của người phải thi hành án gắn liền với quyền sử dụng đất phải kê biên thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản đó. Ngược lại, nếu

tài sản gắn liền với đất là của người khác thì chỉ kê biên quyền sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bị kê biên đó sẽ được thông báo về việc kê biên.

Biên bản kê biên quyền sử dụng đất phải ghi rõ vị trí, diện tích, ranh giới thửa đất được kê biên và phải có chữ ký của những người tham gia kê biên.

Ngoài ra, tại Điều 112 Luật THADS đã quy định chi tiết về việc tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng diện tích đất đã kê biên. Trong thời hạn tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng, tổ chức, cá nhân được tạm giao không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho, để thừa kế, thế chấp hoặc góp vốn bằng cách chuyển quyền sử dụng đất; đồng thời không được làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất và sử dụng trái mục đích.

### **1.4.3. Thủ tục xử lý tài sản kê biên của người phải thi hành án:**

#### ***1.4.3.1. Giao tài sản kê biên cho người được thi hành án***

Điều 100 Luật THADS đã quy định về điều kiện và thủ tục giao tài sản kê biên cho người được thi hành án. Quy định này cho phép các đương sự có quyền thỏa thuận về việc nhận tài sản để trừ tiền thi hành án đã đảm bảo được quyền tự định đoạt của các bên đương sự và đảm bảo được kết quả thi hành án. Đồng thời, tiết kiệm được thời gian và tiền bạc, rút ngắn quá trình tổ chức thi hành án.

Trong trường hợp có nhiều người được thi hành án thì người nhận tài sản thi hành án phải thanh toán cho những người được thi hành án còn lại số tiền tương ứng với tỷ lệ họ được nhận. Chấp hành viên phải lập biên bản về sự thỏa thuận của đương sự và giao tài sản đã kê biên cho người được thi hành án để trừ vào nghĩa vụ thi hành án trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thỏa thuận.

#### ***1.4.3.2. Về thủ tục xử lý tài sản gắn liền với đất đã kê biên được quy định tại Điều 113 Luật THADS năm 2008***

*“1. Trường hợp tài sản gắn liền với đất đã kê biên thuộc sở hữu của người khác thì xử lý như sau:*

*a) Đối với tài sản có trước khi người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản tự nguyện di chuyển tài sản để trả quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án. Trường hợp người có tài sản không tự nguyện di chuyển tài sản thì Chấp hành viên hướng dẫn cho người có tài*

sản và người phải thi hành án thoả thuận bằng văn bản về phương thức giải quyết tài sản. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hướng dẫn mà họ không thoả thuận được thì Chấp hành viên xử lý tài sản đó cùng với quyền sử dụng đất để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người phải thi hành án và người có tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp người có tài sản là người thuê đất hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của người phải thi hành án mà không hình thành pháp nhân mới thì người có tài sản được quyền tiếp tục ký hợp đồng thuê đất, hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất với người trúng đấu giá, người nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn còn lại của hợp đồng mà họ đã ký kết với người phải thi hành án. Trường hợp này, trước khi xử lý quyền sử dụng đất, Chấp hành viên có trách nhiệm thông báo cho người tham gia đấu giá, người được đề nghị nhận quyền sử dụng đất về quyền được tiếp tục ký hợp đồng của người có tài sản gắn liền với đất;

b) Đối với tài sản có sau khi người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản tự nguyện di chuyển tài sản để trả lại quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án. Sau thời hạn 15 ngày, kể từ ngày yêu cầu, mà người có tài sản không di chuyển tài sản hoặc tài sản không thể di chuyển được thì Chấp hành viên xử lý tài sản đó cùng với quyền sử dụng đất.

Đối với tài sản có sau khi kê biên, nếu người có tài sản không di chuyển tài sản hoặc tài sản không thể di chuyển được thì tài sản phải bị tháo dỡ. Chấp hành viên tổ chức việc tháo dỡ tài sản, trừ trường hợp người nhận quyền sử dụng đất hoặc người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đồng ý mua tài sản;

c) Người có tài sản gắn liền với đất của người phải thi hành án được hoàn trả tiền bán tài sản, nhận lại tài sản, nếu tài sản bị tháo dỡ nhưng phải chịu các chi phí về kê biên, định giá, bán đấu giá, tháo dỡ tài sản.

2. Trường hợp tài sản thuộc sở hữu của người phải thi hành án gắn liền với quyền sử dụng đất đã kê biên thì Chấp hành viên xử lý tài sản cùng với quyền sử dụng đất.

3. Đối với tài sản là cây trồng, vật nuôi ngắn ngày chưa đến mùa thu hoạch hoặc tài sản đang trong quy trình sản xuất khép kín chưa kết thúc thì sau khi kê

*biên, Chấp hành viên chỉ tiến hành xử lý khi đến mùa thu hoạch hoặc khi kết thúc quy trình sản xuất khép kín”.*

**1.4.3.3. Về định giá tài sản kê biên (Điều 98 Luật THADS 2008, Điều 26 NB số 62)**

a. Về thẩm quyền

*- Tổ chức thẩm định giá sẽ thẩm định giá trong các trường hợp sau đây:*

+ Trường hợp đương sự có thỏa thuận về tổ chức thẩm định giá: Ngay khi kê biên tài sản mà đương sự thỏa thuận được về giá tài sản hoặc về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên lập biên bản về thỏa thuận đó. Giá tài sản do đương sự thỏa thuận là giá khởi điểm để bán đấu giá. Trường hợp đương sự có thỏa thuận về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá đó.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản kê biên trong các trường hợp sau đây:

+ Đương sự không thỏa thuận được về giá và không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá;

+ Tổ chức thẩm định giá do đương sự lựa chọn từ chối việc ký hợp đồng dịch vụ;

+ Thi hành phần bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật này.

*- Chấp hành viên xác định giá trong các trường hợp sau đây:*

+ Không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật THADS;

+ Tài sản kê biên thuộc loại tươi sống, mau hỏng hoặc có giá trị nhỏ mà đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá. Tài sản kê biên có giá trị nhỏ là tài sản mà tại thời điểm xác định giá, sản phẩm cùng loại chưa qua sử dụng có giá bán trên thị trường không quá 10.000.000 đồng.

+ Khi xác định giá tài sản kê biên tài sản, Chấp hành viên tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan trước khi xác định giá của



tài sản kê biên. Việc tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan phải lập thành văn bản hoặc biên bản có chữ ký của Chấp hành viên và cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn đó. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Chấp hành viên mà cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn không có ý kiến bằng văn bản thì Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cùng cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có ý kiến để Chấp hành viên xác định giá tài sản kê biên.

b. Về định giá lại tài sản kê biên:

Tại Điều 99 Luật THADS năm 2008 và Điều 99 Luật sửa đổi, bổ sung Luật THADS năm 2014 quy định thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Chấp hành viên có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 98 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản;

- Đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản.

Trường hợp có căn cứ chứng minh kết quả thẩm định giá trước đó không khách quan, có tiêu cực làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của mình thì đương sự có quyền đề nghị thuê tổ chức thẩm định giá khác thẩm định lại và phải chịu chi phí thẩm định lại trừ trường hợp định giá lại do có vi phạm quy định về định giá theo điểm a khoản 1 Điều 99 Luật THADS.

- Đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản.

Trường hợp đương sự yêu cầu định giá lại tài sản kê biên trước khi có thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 99 Luật THADS hoặc yêu cầu định giá lại tài sản bán đấu giá không thành, không có người đăng ký tham gia đấu giá, trả giá thì Chấp hành viên tổ chức định giá lại tài sản kê biên. Chấp hành viên thông báo cho đương sự biết về việc người yêu cầu định giá lại phải chịu chi phí định giá lại tài sản theo quy định của pháp luật.

- Việc yêu cầu định giá lại tài sản theo quy định tại khoản này chỉ được thực hiện một lần và đương sự có đơn yêu cầu. Yêu cầu định giá lại chỉ được thực hiện một lần và chỉ được chấp nhận nếu đương sự có đơn yêu cầu trong thời hạn 05 ngày

làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về kết quả thẩm định giá và phải nộp ngay tạm ứng chi phí định giá lại tài sản (điểm b khoản 1 Điều 99 Luật sửa đổi, bổ sung Luật THADS năm 2014).

#### ***1.4.3.4. Bán tài sản đã kê biên để thi hành án:***

Trong trường hợp người được thi hành án không đồng ý nhận tài sản đã kê biên thì tài sản này sẽ được bán để thi hành án.

Điều 101 Luật THADS đã quy định:

*“1. Tài sản đã kê biên được bán theo các hình thức sau đây:*

*a) Bán đấu giá;*

*b) Bán không qua thủ tục đấu giá.*

*2. Việc bán đấu giá đối với tài sản kê biên là động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng và bất động sản do tổ chức bán đấu giá thực hiện.*

*Đương sự có quyền thoả thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày định giá. Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá do đương sự thoả thuận. Trường hợp đương sự không thoả thuận được thì Chấp hành viên lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản.*

*Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày định giá.*

*Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.*

*3. Chấp hành viên bán đấu giá tài sản kê biên trong các trường hợp sau đây:*

*a) Tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản chưa có tổ chức bán đấu giá hoặc có nhưng tổ chức bán đấu giá từ chối ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản;*

*b) Động sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.*

*Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày, kể từ ngày định giá hoặc từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bán đấu giá từ chối bán đấu giá.*

4. Chấp hành viên bán không qua thủ tục bán đấu giá đối với tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc tài sản tươi sống, mau hỏng.

Việc bán tài sản phải được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên.

5. Trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

Người phải thi hành án có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản. Mức phí tổn do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản”.

Thủ tục bán đấu giá tài sản đã kê biên được thực hiện theo quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

**a. Bán đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án (theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP).**

Việc bán đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án được quy định như sau:

- Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thoả thuận người được quyền mua. Nếu không thoả thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản bán đấu giá.

- Giá trị động sản được bán đấu giá theo quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự là giá trị từng động sản. Đối với vật cùng loại, vật đồng bộ là tổng giá trị các động sản đó trong một lần tổ chức bán để thi hành một việc thi hành án.

- Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày đấu giá thành.

Trong thời hạn không quá 30 ngày, trường hợp khó khăn, phức tạp thì không quá 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền, cơ quan thi hành án dân sự phải tổ chức việc giao tài sản cho người mua được tài sản, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng.

Tổ chức bán đấu giá tài sản có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá. Tổ chức, cá nhân cản trở, can thiệp trái pháp luật dẫn đến việc chậm giao tài sản bán đấu giá thành mà gây thiệt hại cho người mua được tài sản bán đấu giá thì phải bồi thường.

Trong thời gian chưa giao được tài sản, cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền đó vào ngân hàng theo hình thức gửi tiền có kỳ hạn 01 tháng cho đến khi giao được tài sản, phần lãi tiền gửi được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án; trường hợp không giao được tài sản thì phần lãi tiền gửi thuộc về người mua được tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật quy định khác.

Trường hợp đến hạn theo hợp đồng bán đấu giá tài sản mà không giao được tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá thì người này có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng.

Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thì tiền thanh toán mua tài sản đấu giá được xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản.

***b. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản (Điều 102 Luật THADS 2008)***

*Theo quy định tại (Điều 102 Luật sửa đổi, bổ sung) hủy kết quả bán đấu giá tài sản được thực hiện như sau:*

- Khi thực hiện việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản, Chấp hành viên phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản;

- Chỉ có Chấp hành viên và người mua được tài sản bán đấu giá mới có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản nếu có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá tài sản.

Việc xử lý hậu quả và bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá tài sản bị huỷ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

***c. Giao tài sản bán đấu giá (Điều 103 Luật THADS 2008)***

Người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tài sản không giao tài sản bán đấu giá cho người mua được tài sản thì thủ tục cưỡng chế giao tài sản được thực hiện theo quy định tại các điều 114, 115, 116 và 117 của Luật THADS 2008.

***d. Xử lý tài sản bán đấu giá không thành (Điều 104 Luật THADS đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)***

- Sau hai lần niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản mà không có người tham gia đấu giá, trả giá thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự biết về việc không có người tham gia đấu giá, trả giá. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà đương sự không yêu cầu định giá lại thì Chấp hành viên ra quyết định giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. Mỗi lần giảm giá không quá 10% giá đã định.

- Sau ba lần giảm giá mà không có người tham gia đấu giá, trả giá thì tài sản được xử lý theo khoản 2, 3, 4 Điều 104 Luật sửa đổi, bổ sung Luật THADS năm 2014.

Tuy nhiên, Điều 104 Luật sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về thời hạn thông báo cho đương sự về việc không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức bán đấu giá. Đồng thời, làm rõ hơn quyền được nhận tài sản của người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án: theo đó, sau lần giảm giá thứ hai trở đi mà không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành (trước đây là sau ba lần giảm giá) thì người được thi hành án có quyền nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án, trừ trường hợp người được thi hành án là Nhà nước (các khoản thu cho Ngân sách).

***1.4.3.5. Trả lại tài sản kê biên cho người phải thi hành án:***

Việc trả lại tài sản kê biên cho người phải thi hành án khi tài sản đưa ra bán đấu giá nhưng không thể bán được được quy định tại khoản 3 Điều 104 Luật THADS đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 như sau: “*Trường hợp người được thi hành án không đồng ý nhận tài sản để thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định*

*giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. Nếu giá trị tài sản đã giảm bằng hoặc thấp hơn chi phí cưỡng chế mà người được thi hành án vẫn không nhận để trừ vào số tiền được thi hành án thì tài sản được giao lại cho người phải thi hành án quản lý, sử dụng. Người phải thi hành án không được đưa tài sản này tham gia các giao dịch dân sự cho đến khi họ thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án”.*

#### **1.4.3.6. Về thực hiện việc giao, nhận tài sản cưỡng chế thi hành án (Điều 103 Luật THADS)**

Điều 103 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2014 đã quy định chi tiết từ tên điều luật nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người mua, người nhận tài sản bán đấu giá. Theo đó, tên điều luật từ “Giao tài sản bán đấu giá” thành “Bảo vệ quyền của người mua tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản để thi hành án”, cụ thể:

- Người mua được tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản để thi hành án được bảo vệ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản đó.

- Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá đã nộp đủ tiền mua tài sản bán đấu giá nhưng bản án, quyết định bị kháng nghị, sửa đổi hoặc bị hủy thì cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục giao tài sản, kể cả thực hiện việc cưỡng chế thi hành án để giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp kết quả bán đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật hoặc đương sự có thỏa thuận khác.

Tài sản đã được giao trên thực tế cho người được nhận tài sản và người đó đã ký nhận vào biên bản giao, nhận tài sản nhưng sau đó bị đương sự chiếm lại thì cơ quan thi hành án dân sự không có trách nhiệm giao lại tài sản cho người được nhận tài sản. Người đã nhận tài sản có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP có quy định cụ thể về quyền của người đã nhận tài sản nhưng sau đó bị chiếm lại, đó là quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự với người vi phạm theo quy định của pháp luật đối với hành vi chiếm lại tài sản đó (khoản 4 Điều 13 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP).

## **Kết luận chương 1**

Kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án nói chung và trong thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng là một biện pháp nghiệp vụ trong công tác thi hành án dân sự, là công cụ cần thiết trong việc giữ vững tính pháp chế của nhà nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế phát triển hiện nay. Trên những nền tảng lý luận và quy định của pháp luật về kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án giá trong thi hành án dân sự đã tạo cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý thuận lợi để Chấp hành viên thực thi nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả hơn nữa công tác thi hành án kinh doanh, thương mại, yêu cầu Chấp hành viên thi hành nghiệp vụ cần phải nghiên cứu và nắm chắc các nghiệp vụ không chỉ về vấn đề chuyên môn nghiệp vụ thi hành án dân sự mà còn cần thiết phải nghiên cứu, nắm chắc các lý luận và quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan đến kinh doanh, thương mại.

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN TRONG THI**  
**HÀNH ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI QUA THỰC TIỄN**  
**TỈNH THÁI BÌNH**

**2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình**

**2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình**

Thái Bình là tỉnh ven biển thuộc lưu vực sông Hồng, với diện tích 1.570,5 km<sup>2</sup>, dân số tỉnh Thái Bình khoảng 1.788.400 người, dân cư sinh sống chính bằng nghề trồng lúa nước; thị trường lao động dồi dào, Thái Bình có 54 km<sup>2</sup> bờ biển, gần cảng biển Hải Phòng, cửa khẩu Móng Cái, Quảng Ninh, gần thủ đô Hà Nội, địa hình bằng phẳng, giao thông thuận lợi, các chính sách thu hút đầu tư được quan tâm chú trọng. Đây là điều kiện tốt để các nhà đầu tư tập trung đầu tư sản xuất, kinh doanh nhất là kinh tế biển, vận tải hàng hóa bằng đường biển. Bên cạnh những kết quả mà các doanh nghiệp mang lại cho Thái Bình, những năm gần đây kinh tế suy giảm cũng kéo theo ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhiều tranh chấp kinh tế phát sinh, nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ đến hạn không thanh toán được khoản nợ Ngân hàng dẫn đến các Ngân hàng phải khởi kiện ra Tòa án. Do vậy, đây cũng là nhân tố có ảnh hưởng đến công tác thi hành án nói chung và việc kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án liên quan đến kinh doanh, thương mại nói riêng.

**2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình**

Đến thời điểm 01/7/2009, Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình có 101 công chức, trong đó Chấp hành viên cấp tỉnh là 09 người; Chấp hành viên cấp huyện là 42 người; Thẩm tra viên là 06 người và còn lại Chuyên viên, Kế toán và các chức danh khác là 33 người. Đa phần công chức trong ngành có trình độ Đại học Luật, trình độ ngoại ngữ, tin học cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, Ngành Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình có Cục Thi hành án dân sự tỉnh và 08 Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố. Cục Thi hành án



dân sự tỉnh Thái Bình có 04 phòng: Văn phòng, Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng Tổ chức cán bộ; 08 Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thành phố. Tổng biên chế 104 công chức, trong đó: Cục Thi hành án dân sự có 23 biên chế, các Chi cục có 81 biên chế. Cơ cấu chức danh chuyên môn: ngạch Chấp hành viên Trung cấp: 13; Chấp hành viên Sơ cấp: 32; Thẩm tra viên trung cấp: 01; Thẩm tra viên sơ cấp: 08; Thư ký thi hành án: 19; Chuyên viên: 07; Kế toán: 15; còn lại các chức danh khác: 11. Trình độ chuyên môn: 92 công chức trình độ Đại học (trong đó chuyên ngành Luật: 73 công chức; chuyên ngành khác 19 công chức); 12 công chức trình độ Cao đẳng, Trung cấp. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước: Quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính: 20; Quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên: 28; Trình độ đào tạo, bồi dưỡng về chính trị: 09 trình độ Cao cấp; 29 trình độ Trung cấp; 68 trình độ Sơ cấp. Đa phần công chức trong ngành có trình độ Đại học Luật, trình độ ngoại ngữ, tin học cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

## **2.2. Tình hình thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình**

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các loại hình kinh doanh, thương mại cũng phát triển mạnh và có nhiều đóng góp đặc biệt quan trọng cho nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trước sự cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường, không ít những tranh chấp phải yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đặc biệt là yêu cầu Tòa án các cấp giải quyết.

Luật Thi hành án dân sự ra đời năm 2008 đã góp phần hoàn thiện một bước thể chế trong công tác thi hành án dân sự, tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho Cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, trong đó có chức năng, nhiệm vụ thi hành dứt điểm các bản án, quyết định trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

Thực hiện nội dung các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền các cấp, từ năm 2013 đến nay, lượng án liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình có xu hướng ngày một tăng cao cả về việc lẫn về số tiền phải thi

hành, đặc biệt các loại án liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

### Số liệu thi hành về việc [15, tr 2]

*Đơn vị tính: việc*

Năm	Tổng thụ lý			Kết quả giải quyết							Chuyển kỳ sau
	Tổng cộng	Năm cũ chuyển	Thụ lý mới	Số việc có điều kiện giải quyết			Chưa có điều kiện giải quyết				
				Tổng số	Đã giải quyết xong	Đang thi hành	Tổng số	Hoãn	Tạm đình chỉ	Khác + Điều 44a LTH ADS	
2013	59	24	35	35	27	8	24	16	2	6	32
2014	121	33	88	82	78	4	39	24	1	14	43
2015	129	47	82	71	51	20	58	20	2	19	78
9/2016	158	80	78	43	37	6	49	0	6	43	121

Nhìn vào số liệu trên có thể nhận thấy:

Năm 2013: tỷ lệ thi hành án kinh doanh, thương mại chiếm 0,9% so với tổng số việc phải thi hành (tổng thụ lý năm 2013: 6.313 việc). Trong đó, tỷ lệ có điều kiện trên tổng số phải thi hành đạt 0,7% và tổ chức giải quyết xong đạt 0,6% trong tổng số có điều kiện thi hành năm 2013.

Năm 2013 trong tổng số 59 việc thi hành án kinh doanh, thương mại phải thi hành có 35 việc có điều kiện thi hành (đạt 59%). Tổng số đã giải quyết được 27 việc (đạt 77%); chuyển kỳ sau 32 việc.

Năm 2014: tỷ lệ thi hành án kinh doanh, thương mại chiếm 1,8% so với tổng số việc phải thi hành (tổng thụ lý năm 2014: 6.645 việc – tăng gấp đôi so với năm 2013). Trong đó, tỷ lệ có điều kiện trên tổng số phải thi hành đạt 1,6% và tổ chức giải quyết xong đạt 1,6% trong tổng số có điều kiện thi hành năm 2014.

Năm 2014: trong tổng số 121 việc thi hành án kinh doanh, thương mại phải thi hành có 82 việc có điều kiện thi hành (đạt 67,7%). Tổng số đã giải quyết được

78 việc (đạt 95%); chuyển kỳ sau 43 việc (tăng 11 việc tương đương tăng 34% so với số liệu chuyển năm 2013).

Năm 2015: tỷ lệ thi hành án kinh doanh, thương mại chiếm 1,8% so với tổng số việc phải thi hành (tổng thụ lý năm 2015: 6.839 việc). Trong đó, tỷ lệ có điều kiện trên tổng số phải thi hành đạt 1,4% và tổ chức giải quyết xong đạt 1,1% trong tổng số có điều kiện thi hành năm 2015.

Trong tổng số 129 việc thi hành án kinh doanh, thương mại phải thi hành có 71 việc có điều kiện thi hành (đạt 55%). Tổng số đã giải quyết được 51 việc (đạt 71,8%); chuyển kỳ sau 78 việc (tăng 35 việc tương đương tăng 81% so với số liệu chuyển năm 2014).

9 tháng năm 2016 tổng số việc thi hành án liên quan đến kinh doanh, thương mại là 158 việc, tăng 29 việc so với cả năm 2015 (tăng 22,5%). Tỷ lệ thi hành án kinh doanh, thương mại chiếm 2,5% so với tổng số việc phải thi hành (tổng thụ lý 9 tháng 2016: 6.475 việc). Trong đó, tỷ lệ có điều kiện trên tổng số phải thi hành đạt 27,2% và tổ chức giải quyết xong đạt 86% trong tổng số có điều kiện thi hành; chuyển kỳ sau: 121 việc (tăng 43 việc so với cả năm 2015 tương đương 55,8%).

### Số liệu thi hành về tiền [15, tr 3]:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Tổng thụ lý			Kết quả giải quyết						Chuyển kỳ sau
	Tổng cộng	Năm cũ chuyển	Thụ lý mới	Số việc có điều kiện giải quyết			Chưa có điều kiện giải quyết			
				Tổng số	Đã giải quyết xong	Đang thi hành	Tổng số	Tạm đình chỉ	Hoãn + khác + Điều 44a LTHADS	
2013	155.610.215	16.581.117	139.029.098	130.937.451	64.616.825	66.320.626	24.672.764	202.019	24.470.745	90.993.390
2014	342.594.152	91.812.040	250.782.112	91.758.829	61.622.171	30.136.658	250.835.323	4.663.958	246.171.365	280.971.981
2015	492.238.192	280.973.232	211.264.960	108.778.313	85.572.886	95.205.427	311.459.879	46.100	311.413.779	406.665.306
9/2016	524.072.309	414.741.543	109.330.766	140.022.721	26.400.795	113.621.926	384.050.134	77.031.513	307.018.621	497.671.514

Năm 2013: tỷ lệ về tiền thi hành án kinh doanh, thương mại chiếm 65% so với tổng số việc phải thi hành (tổng thụ lý năm 2013: 236.955.606.000 đồng). Trong đó, tỷ lệ có điều kiện trên tổng số phải thi hành đạt 88% và tổ chức giải quyết

xong đạt 61% trong tổng số tiền có điều kiện thi hành năm 2013. Chuyển kỳ sau 90.993.390.000 đồng.

Trong tổng số tiền 155.610.215.000 đồng phải thi hành án về kinh doanh, thương mại thì 130.937.451.000 đồng có điều kiện thi hành (đạt 84%). Tổng số đã giải quyết được 64.616.825.000 đồng (đạt 49%);

Năm 2014: tỷ lệ về tiền thi hành án kinh doanh, thương mại chiếm 75% so với tổng số tiền phải thi hành (tổng thụ lý năm 2014: 451.078.570.000 đồng). Trong đó, tỷ lệ có điều kiện trên tổng số phải thi hành đạt 58% và tổ chức giải quyết xong đạt 50% trong tổng số có điều kiện thi hành năm 2014. Chuyển kỳ sau 280.971.981.000 đồng (tăng 189.978.591.000 đồng tương đương tăng 208% so với số liệu chuyển năm 2013).

Trong tổng số tiền 342.594.152.000 đồng thi hành án kinh doanh, thương mại phải thi hành có 91.758.829.000 đồng có điều kiện thi hành (đạt 26%). Tổng số đã giải quyết được 61.622.171.000 đồng (đạt 67%);

Năm 2015: tỷ lệ thi hành án kinh doanh, thương mại chiếm 81,8% so với tổng số tiền phải thi hành (tổng thụ lý năm 2015: 601.542.583.000 đồng). Trong đó, tỷ lệ có điều kiện trên tổng số phải thi hành đạt 75,6% và tổ chức giải quyết xong đạt 62% trong tổng số tiền có điều kiện thi hành năm 2015; Chuyển kỳ sau 406.665.306.000 đồng (tăng 125.693.325.000 đồng tương đương tăng 44% so với số liệu chuyển năm 2014).

Trong tổng số tiền 492.238.192.000 đồng thi hành án kinh doanh, thương mại phải thi hành có 180.778.313.000 đồng có điều kiện thi hành (đạt 36,7%). Tổng số đã giải quyết được 85.572.886.000 đồng (đạt 47%);

9 tháng năm 2016 tổng số tiền thi hành án liên quan đến kinh doanh, thương mại là 524.072.309.000 đồng, tăng 31.834.117.000 đồng việc so với cả năm 2015 (tăng 6,5%). Tỷ lệ thi hành án kinh doanh, thương mại chiếm 85% so với tổng số tiền phải thi hành (tổng thụ lý 9 tháng 2016: 613.259.499.000 đồng). Trong đó, tỷ lệ có điều kiện trên tổng số phải thi hành đạt 26,7% và tổ chức giải quyết xong đạt 18,9% trong tổng số có điều kiện thi hành; chuyển kỳ sau: 497.671.514.000 đồng (tăng 91.006.208.000 đồng so với cả năm 2015 tương đương 22,3%).

Như vậy, nhìn vào số liệu trên có thể nhận thấy số tiền phải thi hành án liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại càng ngày càng tăng và thậm chí tăng rất cao. Tổng thụ lý năm 2013 mới chỉ có 155.610.215.000 đồng, nhưng đến năm 2014 con số này đã là 342.594.152.000 đồng (tăng 186.983.937.000 đồng tương đương với 120%) và đến năm 2015 so với năm 2013 đã tăng 336.627.977.000 đồng tương đương tăng 216%).

#### **Về việc:**

Năm 2013 đã giải quyết xong 27 việc (77%); đến năm 2014 đã giải quyết xong 78 việc (95%), đến năm 2015 số việc phải thi hành về kinh doanh, thương mại tăng lên nhưng số đã giải quyết được lại giảm 27 việc so với năm 2014 (2015: giải quyết được 51 việc = 71,8%).

Số liệu án tồn chuyển kỳ sau luôn ở trong tình trạng năm sau cao hơn năm trước, không đạt được chỉ tiêu giảm về việc thi hành án kinh doanh, thương mại: năm 2013 chuyển năm 2014: 32 việc; năm 2014 chuyển kỳ sau: 43 việc (tăng 11 việc = 34%); năm 2015 chuyển kỳ sau lại tăng vọt: 78 việc (tăng 33 việc = 81% so với cùng kỳ năm 2014). Và chỉ 9 tháng đầu năm 2016 số việc chuyển kỳ sau đã tăng 55,8% so với cả năm 2015.

#### **Về tiền:**

Năm 2013 đã giải quyết xong 64.616.825.000 đồng (49%); đến năm 2014 số tiền phải thi hành về kinh doanh, thương mại tăng lên rất nhanh, nhưng chỉ giải quyết xong 61.622.171.000 đồng (giảm 2.994.654.000 đồng so với năm 2013); đến năm 2015 đã giải quyết được 85.572.886.000 đồng = 47%).

Số liệu tiền chuyển kỳ sau cũng tỷ lệ thuận với tỷ lệ giảm tồn về tiền, chỉ tiêu giảm về tiền thi hành án kinh doanh, thương mại không đạt được: năm 2013 chuyển năm 2014: 90.993.390.000 đồng; năm 2014 chuyển kỳ sau: 280.971.981.000 đồng (tăng 189.978.591.000 đồng = 208% so với năm 2013); năm 2015 chuyển kỳ sau: 406.665.306.000 đồng (tăng 125.693.325.000 đồng = 44% so với năm 2014) và đến 9 tháng đầu năm 2016 tỷ lệ tiền chuyển kỳ sau đã tăng 22,3% so với cả năm 2015.

Mặc dù số việc phải thi hành về án kinh doanh, thương mại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng số việc phải thi hành (từ năm 2013 đến năm 2015 chiếm 5%) nhưng

số tiền phải thi hành về án kinh doanh, thương mại lại chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng số tiền phải thi hành (từ năm 2013 đến năm 2015 chiếm 72%; 9 tháng đầu năm 2016 tỷ lệ này chiếm 85%). Chính vì phải thi hành án số tiền quá lớn như vậy đã tạo ra áp lực không nhỏ đối với cơ quan thi hành án dân sự.

Theo số liệu thống kê, hầu hết án về kinh doanh, thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Bình thời gian qua đều liên quan đến bất động sản và chủ yếu là án thu cho các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

### **2.3. Một số vụ việc thi hành án kinh doanh, thương mại điển hình tại Thái Bình**

2.3.1. Bản án số 01/2014/KDTM ngày 23/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên buộc Xí nghiệp Cơ khí Phương Đông (thành phố Thái Bình) - người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Chúc, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Xí nghiệp - phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn với tổng số tiền: 23.080.782.000đ.

Quá trình xác minh, làm việc với bên phải thi hành án, người đại diện theo pháp luật của Xí nghiệp Cơ khí Phương Đông là ông Hoàng Chúc trình bày: do bất đồng quan điểm trong Xí nghiệp và tuổi cao nên ông xin thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Xí nghiệp, đồng thời làm văn bản bàn giao cho Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Xí nghiệp thay ông giải quyết mọi công việc. Từ đó, ông Hoàng Chúc từ chối tham gia mọi việc giải quyết của Xí nghiệp cũng như tham gia giải quyết việc thi hành án.

Căn cứ khoản 11 Điều 32 Luật Hợp tác xã (Xí nghiệp Cơ khí Phương Đông là đơn vị kinh tế hoạt động theo theo Luật Hợp tác xã) thì thẩm quyền xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên (xã viên) quyết định. Trong khi đó, từ tháng 12/2010 đến nay Xí nghiệp Cơ khí Phương Đông vẫn chưa tổ chức Đại hội xã viên nhiệm kỳ cũng như bất thường. Do đó, trên phương diện pháp lý ông Hoàng Chúc vẫn là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Xí nghiệp Cơ khí Phương Đông. Tuy nhiên,

trên thực tế ông Hoàng Chúc luôn từ chối tham gia giải quyết các công việc liên quan đến Xí nghiệp Cơ khí Phương Đông và bỏ đi nơi khác sinh sống.

Mặc dù UBND thành phố Thái Bình và Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền nhiều lần đôn đốc, đề nghị Xí nghiệp Cơ khí Phương Đông tổ chức Đại hội xã viên để bầu ra người đại diện theo pháp luật theo đúng quy định để xử lý, giải quyết công việc của Xí nghiệp cũng như tham gia giải quyết việc thi hành án có liên quan. Nhưng đến nay Xí nghiệp vẫn không tổ chức Đại hội xã viên để quyết định vấn đề này.

Trong khi người đại diện theo pháp luật của Xí nghiệp Cơ khí Phương Đông từ chối tham gia giải quyết các việc liên quan đến Xí nghiệp, cho rằng mình đã bàn giao mọi việc liên quan đến hoạt động của Xí nghiệp cho người khác nên không còn thẩm quyền tham gia giải quyết việc thi hành án. Và Xí nghiệp cũng không tổ chức Đại hội xã viên khiến Cơ quan thi hành án dân sự lúng túng, vướng mắc trong việc xác định người đại diện của Xí nghiệp, chưa xử lý dứt điểm vụ việc được.

2.3.2. Bản án số 01/2014/KDTM-ST ngày 02/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà và Quyết định thi hành án số 01/QĐ-CCCTHA ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà buộc vợ chồng ông Lương Ngọc Lượng và bà Vũ Thị Ngân, địa chỉ: thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình tổng số tiền: 2.337.219.000đ.

Điều kiện kinh tế của gia đình ông Lượng bà Ngân hiện gặp nhiều khó khăn do kinh doanh, sản xuất thua lỗ; hầu như không có tài sản, thu nhập gì.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên xác minh thực địa tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, diện tích 188m<sup>2</sup> tại Khu Nhân Cầu, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà thuộc quyền sử dụng của ông Lương Ngọc Lượng và bà Vũ Thị Ngân đã được UBND huyện Hưng Hà cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI514489 ngày 27/11/2008 và các tài sản gắn liền với thửa đất trên gồm nhà khung thép 02 tầng; nhà biệt thự 03 tầng; nhà xây 02 tầng và các công trình phụ trợ thuộc quyền sở hữu của ông Lượng, bà Ngân.

Tuy nhiên, qua khảo sát thực địa nhận thấy:

- Hiện trạng tài sản thế chấp đã thay đổi so với Hợp đồng thế chấp. Cụ thể: ông Lương, bà Ngân đã cải tạo nhà khung thép phía trước thửa đất giáp đường 39A và xây thêm 01 ngôi nhà 2 tầng ở phía cuối thửa (sau nhà biệt thự 03 tầng).

- Một phần nhà xây lán chiếm trên đất công.

- Ngôi nhà hiện ông Lương, bà Ngân đang sử dụng thuộc thửa đất số 27; Hộ liền kề là nhà ông Nguyễn Văn Hồng thuộc thửa số 26. Nhưng hệ thống mái sàn tầng 1 được bao quanh nhà biệt thự 3 tầng theo hình chữ U giữa thửa số 26 và 27; mái tầng 1 được đổ bê tông cốt thép liên kết giữa 2 thửa 26 và 27; mái tầng 2 được làm bằng tôn trên hệ thống vì kèo, xà gồ bằng thép liên kết giữa hai thửa 26 và 27.

- Toàn bộ nhà 2 tầng nằm phía sau nhà biệt thự 3 tầng được xây trên thửa đất số 26 và 27, chỉ có ngôi biệt thự 3 tầng là nằm trên diện tích thửa đất số 27.

Sau khi khảo sát thực địa như trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà đã phối hợp với cơ quan chuyên môn để xác định ranh giới giữa hai thửa đất số 26 và 27. Nhưng khi cơ quan chuyên môn thực địa để xác định ranh giới trên thực tế thì không xác định được.

Điều 94 Luật Thi hành án dân sự quy định: *“Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị của tài sản đó”*.

Khoản 2 Điều 95 Luật THADS quy định về kê biên nhà ở như sau: *“Khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác thì Chấp hành viên chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất để thi hành án nếu người có quyền sử dụng đất đồng ý. Trường hợp người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người phải thi hành án, nếu việc tách rời nhà ở và đất không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà”*.

Trường hợp này, tài sản của người phải thi hành án là vợ chồng ông Lương, bà Ngân gắn liền với quyền sử dụng đất của ông Hồng(thửa số 26), ông Hồng cũng không đồng ý để cơ quan thi hành án tiến hành kê biên cả tài sản của ông. Ngoài ra, tài sản nhà, đất của vợ chồng ông Lương, bà Ngân không xác định được ranh giới cụ



thể trên thực tế, không thể tách rời khỏi tài sản nhà đất với tài sản của gia đình ông Hồng. Điều này gây rất nhiều khó khăn cho việc Chấp hành viên có thể kê biên, xử lý tài sản đã thế chấp của người phải thi hành án để đảm bảo khoản vay cho Ngân hàng TMCP Công thương.

2.3.3. Bản án số 02/2015/KDTM-ST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà và Quyết định thi hành án số 10/QĐ-CCTHA ngày 24/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà buộc Công ty Cổ phần Hồng Phú, trụ sở: xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Thái Bình tổng số tiền (cả gốc và lãi): 7.520.221.000đ.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên xác minh thấy:

- Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2010;
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phân tán mỗi người một nơi, không tổ chức Đại hội cổ đông được;

- Về tài sản của Công ty:

- + Quyền sử dụng đất 2.476m<sup>2</sup> do UBND tỉnh cho thuê, mục đích làm cơ sở sản xuất cơ khí tiêu dùng, phương tiện đo lường; Thời hạn thuê: đến hết ngày 31/12/2020; Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.

- + Tài sản trên đất: 01 nhà làm việc khoảng 50m<sup>2</sup>, nhà xưởng sản xuất khoảng 120m<sup>2</sup> lợp tôn khung thép nhưng đã xuống cấp, giá trị ước tính còn rất thấp; 01 dây chuyền sản xuất OKALL, dây chuyền dán tráng, máy nhám, máy hút nhân không, máy dán keo, hệ thống băng tải. Nhưng toàn bộ các tài sản này đã xuống cấp, các chi tiết máy đã không còn đầy đủ nên không thể hoạt động được nữa.

Từ những kết quả xác minh trên, vấn đề đặt ra:

- Thứ nhất: Theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

“.....

- d) *Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;*

*đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;*

*e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;*

*.....”*

Trong khi đó, khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì Hội đồng quản trị phải triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

*“a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;*

*b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;*

*c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này;*

*d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát”*

Như vậy thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết vấn đề liên quan đến tài sản của Công ty Cổ phần Hồng Phú trong việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Thái Bình thuộc về Hội đồng quản trị của Công ty. Tuy nhiên, như kết quả xác minh thì hiện các thành viên của Hội đồng quản trị đã phân tán, mỗi người một nơi, không thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông của Công ty được. Vấn đề đặt ra, nếu Công ty Cổ phần không triệu tập được Đại hội đồng cổ đông thì vấn đề xử lý tài sản của doanh nghiệp để thi hành án sẽ như thế nào? và chỉ người đại diện theo pháp luật của Công ty có mặt, tham gia giải quyết việc thi hành án của công ty thì có đủ thẩm quyền để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được không?

- *Thứ hai:* Đất UBND tỉnh cho Công ty Cổ phần Hồng Phú thuê đến thời điểm hết ngày 31/12/2020 nhưng lại là đất thuê trả tiền hàng năm. Do vậy, căn cứ các quy định của pháp luật thì Cơ quan thi hành án không thể kê biên cả quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Hồng Phú. Trong khi đó, các tài sản là nhà xưởng, nhà điều hành của Công ty đã xuống cấp và là tài sản gắn liền với đất. Do vậy, việc xử lý các tài sản trên đất của Công ty Cổ phần Hồng Phú khó thực hiện được.

- *Thứ ba:* Các tài sản trên đất của Công ty Cổ phần Hồng Phú khi phát sinh hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được thẩm định và cho vay bảo đảm số tiền: 3.616.950.000đ. Tuy nhiên, đến thời điểm kê biên, xử

lý tài sản này thì chỉ định giá được 395.965.000đ. Như vậy, so với số tiền bảo đảm thì số tiền định giá ban đầu để đem bán đấu giá đã giảm hơn 09 (chín) lần. Số tiền này, sau khi thanh toán các khoản chi phí kê biên, bán đấu giá và nộp án phí theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì chỉ còn thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền rất nhỏ, không đáng kể so với số tiền Công ty Cổ phần Hồng Phú phải trả.

2.3.4.Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2011/QĐST - KDTM, ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và Quyết định thi hành án số 04/QĐ-CTHA, ngày 08/10/2012 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình thì Công ty Cổ phần Thép Thái Bình, địa chỉ Lô D, khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phải thi hành án trả Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), địa chỉ: 22 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thiện Bảo - chức vụ Tổng giám đốc) tổng số nợ gốc và lãi là: 63.179.002.567 đồng. Tài sản thế chấp là nhà xưởng và dây chuyền sản xuất thép trên diện tích 16.365,4m<sup>2</sup> đất thuê tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình.

Trong quá trình tổ chức thi hành án Công ty Cổ phần Thép Thái Bình không có tiền để thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình đã xác minh tài sản của Công ty cổ phần thép Thái Bình và tiến hành kê biên các tài sản mà công ty đã thế chấp để vay tiền Tổng công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để thi hành án.

Sau khi kê biên, Chấp hành viên đã ký hợp đồng với tổ chức thẩm định giá, định giá đối với các tài sản đã kê biên của Công ty Cổ phần Thép Thái Bình. Tài sản kê biên đã được định giá là 53.713.925.508 đồng và ký hợp đồng với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình để bán đấu giá đối với các tài sản đã định giá, qua nhiều lần giảm giá, đến lần thứ 12 mới có người mua đấu giá tài sản với giá 17.792.434.000 đồng.

Vấn đề tồn tại, nảy sinh đặt ra trong quá trình kê biên, xử lý tài sản vụ việc này là:

- Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đều ở các tỉnh xa, lại chưa làm thủ tục ủy quyền cho người đại diện để giải quyết các việc liên quan đến thi hành án do vậy việc thực hiện các thủ tục thông báo thi hành án là rất khó khăn như: thông báo kê biên tài sản, thông báo và thủ tục để các bên thỏa thuận về giá tài sản, thỏa thuận về tổ chức thẩm định giá...

- Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên các tài sản do Ngân hàng cung cấp thông tin theo Hợp đồng thế chấp, các tài sản này gồm hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất thép, nhà xưởng, trạm biến áp...tuy nhiên các tài sản bị kê biên này lại nằm trên diện tích đất Công ty Cổ phần Thép thuê trả tiền hàng năm, trước khi Công ty thuê đất thì đã phải chi phí để san lấp mặt bằng, xây dựng tường bao (các tài sản này không nằm trong các tài sản bị kê biên) do đó khi xử lý tài sản cho bên mua được tài sản đấu giá là rất khó khăn).

- Quá trình xử lý tài sản, sau khi kê biên, các bên không thỏa thuận được về giá trị tài sản, Cơ quan thi hành án đã ký hợp đồng thẩm định giá với tổ chức có chức năng thẩm định giá và đã định giá toàn bộ tài sản đã kê biên của Công ty cổ phần Thép Thái Bình là 53.713.925.508 đồng. Tuy nhiên, khi Cơ quan thi hành án ký hợp đồng với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình để bán đấu giá đối với các tài sản đã định giá, nhưng sau 12 lần giảm giá mới có đơn vị mua đấu giá tài sản với giá 17.792.434.000đ nhưng đến nay vì những lý do khác nhau, người trúng đấu giá mới nộp được 500.000.000đ.

- Trong quá trình kê biên, Cơ quan thi hành án đã giao cho Công ty cổ phần Thép Thái Bình tiếp tục quản lý tài sản đã kê biên, Công ty đã thuê người trông coi bảo quản, nhưng qua thời gian dài, điều kiện thời tiết (mưa, bão, gió) đã làm hư hại thất thoát một số tài sản có giá trị, quá trình giải quyết Công ty cổ phần Thép đã nhận trách nhiệm về sự thất thoát này nhưng vấn đề khó khăn đặt ra ở đây là nếu Công ty Cổ phần Thép Thái Bình không nhận trách nhiệm thì việc truy cứu trách nhiệm và xử lý bồi hoàn là rất phức tạp (về thể chế cũng khó xác định được trách nhiệm và cách thức để khởi kiện xem xét; nếu có xử lý làm rõ trách nhiệm thì Công ty Cổ phần Thép Thái Bình cũng không còn tài sản để chịu trách nhiệm, vì tài sản của Doanh nghiệp dùng để thi hành án cũng chưa đủ).

- Một vấn đề khó khăn nữa trong quá trình thực tiễn tổ chức thi hành vụ đó là, hiện nay cấp có thẩm quyền chưa thu hồi đất thuê của Công ty cổ phần Thép Thái Bình mà đất này lại nằm trong khu công nghiệp do vậy nếu người mua được tài sản mà không thuê được đất thì sẽ không sử dụng được nhất là nhà xưởng và làm giảm rất nhiều giá trị tài sản kê biên, đấu giá gây khó khăn cho việc xử lý tài sản kê biên, đấu giá và sẽ làm ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của người được thi hành án.

- Về việc người mua tài sản trúng đấu giá, theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định 62/2015/NĐ-CP thì người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của Cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày đấu giá thành. Tuy nhiên, trong trường hợp này người trúng đấu giá nộp chậm (người trúng đấu giá có văn bản đề nghị được gia hạn thời hạn nộp tiền trúng đấu giá). Nhưng để xử lý việc này (hủy hợp đồng, xử lý khoản tiền họ đã nộp, khởi kiện bồi thường do vi phạm hợp đồng ...). Luật Thi hành án dân sự hầu như chỉ quy định chung chung chưa đầy đủ và triệt để như ai là người khởi kiện, tòa cấp nào xử, án phí, lệ phí v...v..., và như vậy Chấp hành viên Cơ quan thi hành án và các cơ quan hữu quan khó thực hiện, dễ vi phạm và dễ dẫn đến khiếu nại, tố cáo. Do vậy trong thực tế có những vấn đề nảy sinh như thế này cơ bản Chấp hành viên đều phải vận dụng xử lý để không nảy sinh phức tạp và cũng giải quyết được vụ việc.

2.3.5. Theo Bản án số 02/2006/KDTM-ST, ngày 01/8/2006 của TAND tỉnh Thái Bình, Quyết định thi hành án số 17/QĐ-TĐYC.THA, ngày 06/11/2006 thì Trường THPT dân lập Nguyễn Công Trứ phải thanh toán trả cho Công ty TNHH Lâm Hà số tiền 1.155.587.917 đồng và lãi xuất chậm thi hành án.

Quá trình tổ chức thi hành án Cơ quan thi hành án đã tiến hành xác minh sản của Trường THPT dân lập Nguyễn Công Trứ thì Trường không có tiền để thi hành án. Tài sản của Nhà trường chỉ có: Diện tích đất 9.388m<sup>2</sup> với 02 dãy nhà cao tầng cấp hai và 01 dãy nhà cấp bốn. Tổng số 56 phòng gồm 23 phòng học, còn lại là phòng làm việc, phòng chức năng khác.

Vụ án đã kéo dài nhiều năm nhưng vẫn chưa thi hành dứt điểm được, phía Nhà trường không tự nguyện thi hành án vì cho rằng bản án xét xử không đúng.

Khi tiến hành áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản đối với vụ việc gặp một số khó khăn:

- Hoạt động giáo dục đào tạo của Trường THPT Nguyễn Công Trứ gắn với vấn đề an sinh giáo dục, nếu cưỡng chế sẽ ảnh hưởng đến việc dạy và học của nhiều giáo viên, học sinh đang theo học tại trường và dễ phát sinh các vấn đề ổn định tại địa phương;

- Tài sản là công trình xây dựng của Trường có giá trị lớn hơn gấp nhiều lần nghĩa vụ phải thi hành án mà nếu tách ra thì làm giảm đáng kể giá trị tài sản. Mặt khác, đất của Nhà trường là đất thuê của Nhà nước trả tiền hàng năm, nếu Nhà trường không vi phạm các quy định về sử dụng đất hoặc Nhà nước không có căn cứ để thu hồi đất thì sẽ không thu hồi được diện tích đất của Trường, do vậy nếu cưỡng chế công trình xây dựng của Nhà trường mà không có đất thì sẽ không mang lại hiệu quả vì nếu không được thuê đất đó thì sẽ không có người mua tài sản vì không có giá trị sử dụng như vậy sẽ làm giảm đáng kể giá trị tài sản, mà trong trường hợp này không thể coi Trường THPT dân lập Nguyễn Công Trứ là không có tài sản để thi hành án. Đây cũng là những khó khăn vướng mắc về thể chế và vướng mắc cả về vấn đề phối hợp trong trường hợp cần kê biên, xử lý tài sản vì quá trình tổ chức thi hành án rất nhiều ý kiến không đồng tình với việc kê biên, xử lý tài sản của Trường THPT dân lập Nguyễn Công Trứ. Vụ việc còn dẫn tới việc đơn thư của công dân và báo chí vào cuộc đặt vấn đề trách nhiệm của cơ quan thi hành án gây khó khăn rất lớn cho Cơ quan thi hành án.

2.3.6. Theo Bản án số 103/2013/KDTM-PT ngày 10/6/2013 của Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định thi hành án số 09/QĐ-CTHA ngày 18/10/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình thì ông Đinh Hồng Quân - Giám đốc xí nghiệp Dệt Hồng Quân, địa chỉ số 144, đường Quang Trung, thành phố Thái Bình phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), địa chỉ số 198, Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội số tiền gốc và lãi là 147.553.000.930 đồng, tài sản theo hồ sơ thế chấp của Doanh nghiệp may Hồng Quân với ngân hàng này bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp cầm cố tài sản gắn liền với đất số: 07630/HĐTC ngày 20/12/2007 trên diện tích đất 45.652,4m<sup>2</sup> tại khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình.

- Hợp đồng thế chấp cầm cố tài sản số 20020031 ngày 25/02/2002 phụ lục số 01.2002.0031 ngày 04/8/2003. Tài sản thế chấp gồm 16 máy dệt Đài Loan; 02 máy chải Nhật; 05 máy nhuộm Đài Loan; 01 máy tẩy Đài Loan; 01 máy sấy Nhật và 15 máy may công nghiệp Đài Loan.

Quá trình đôn đốc thi hành án cho thấy:

Về tài sản thế chấp: Tài sản theo hợp đồng thế chấp số 07630 ngày 20/12/2007 trên diện tích đất 45.652,4m<sup>2</sup> tại khu công nghiệp Phúc Khánh còn nguyên, tài sản theo Hợp đồng thế chấp 2002031 ngày 25/02/2002 không còn, ông Quân trình bày Ngân hàng đã bán.

\*Theo Bản án số 09/2014/KDTM-PT ngày 20/01/2014 của TANDTC và Quyết định thi hành án số 02/QĐ-CTHA ngày 01/10/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình thì ông Đinh Hồng Quân - Giám đốc xí nghiệp Dệt Hồng Quân (địa chỉ: số 144, đường Quang Trung, thành phố Thái Bình) phải trả cho Ngân hàng Công thương Việt Nam(Viettinbank) số tiền 71.943.395.000 đồng, tài sản theo hồ sơ thế chấp của Doanh nghiệp may Hồng Quân với ngân hàng này bao gồm: dây chuyền máy móc, nhà xưởng trên diện tích đất 3.000m<sup>2</sup> tại km số 3.

Qua xác minh thi hành án thì thấy các tài sản thế chấp là dây chuyền máy móc cũng không còn, mà chỉ còn nhà xưởng trên diện tích đất 3.000m<sup>2</sup> tại km số 3.

\*Theo Bản án số 121/2012/KDTM-PT ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định thi hành án số 05/QĐ-CTHA ngày 10/10/2012 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình thì ông Đinh Hồng Quân - Giám đốc xí nghiệp Dệt Hồng Quân (địa chỉ: số 144, đường Quang Trung, thành phố Thái Bình) phải trả cho Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Thái Bình (VDB) địa chỉ số 5, đường Lê Lợi, thành phố Thái Bình số tiền gốc và lãi là 9.053.291.424 đồng, tài sản đảm bảo với ngân hàng này là:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 15/2006/HĐTCTS-TC ngày 12/6/2006, tài sản thế chấp là 02 máy se sợi đã qua sử dụng.

- Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản số 09/2005/HĐCC-TC ngày 21/12/2005, tài sản thế chấp là 02 xe ô tô IFAW50 BKS 17K-1301; xe ô tô IFAW50 BKS 17K-0295 và xe ô tô TOYOTA 12 chỗ BKS số 17K-0385.

- Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 02/HĐBL ngày 21/12/2005, tài sản thế chấp số 01 xe ô tô TOYOTA ZACC.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 03/2007 ngày 03/7/2007; tài sản thế chấp là nhà xưởng, thiết bị hình thành sau đầu tư của dự án “đầu tư phân xưởng hoàn thiện sản phẩm khăn xuất khẩu” bao gồm: máy xén hàng, hệ thống máy sấy gió, máy in hoa, phụ tùng kèm theo, phân xưởng sản xuất.

Quá trình tổ chức thi hành án xác minh điều kiện thi hành án cho thấy:

Các tài sản trong 3 hợp đồng thế chấp: số 15/2006 ngày 12/6/2006; số 02/2005 ngày 21/12/2005 và số 03/2007 ngày 03/7/2007 không còn. Ông Quân có văn bản cho rằng Ngân hàng đã bán. Riêng Hợp đồng số 09/2005 ngày 21/12/2005 là còn tài sản là 03 ô tô, nhưng kết quả giám định hồ sơ của cơ quan đăng kiểm thì 03 ô tô này đã hết hạn sử dụng và kiểm tra tại chỗ thì 03 ô tô đã cũ nát, giá trị ước tính thấp.

Vấn đề tồn tại trong quá trình giải quyết vụ việc đó là:

+ Khi làm đơn yêu cầu thi hành án thì các Ngân hàng cung cấp tài sản mà Doanh nghiệp đã thế chấp nhưng thực tế khi thi hành án thì các tài sản đó lại không phải và không còn như Ngân hàng đã cung cấp, phía Doanh nghiệp cũng cho rằng việc thất thoát tài sản thế chấp là do Ngân hàng gây khó khăn cho việc tổ chức thi hành án cũng như tổ chức kê biên, xử lý các tài sản của Doanh nghiệp để đảm thi hành án. Ở đây trách nhiệm và thẩm quyền xử lý các vấn đề này của Cơ quan thi hành án dân sự sẽ như thế nào?

+ Thực tế cho thấy khi xử lý các tài sản, nhất là công trình xây dựng trên đất Doanh nghiệp thuê của nhà nước trả tiền hàng năm, nếu người mua được tài sản mà không thuê được đất đó thì giá trị tài sản trên đất sẽ giảm đáng kể hay có trường hợp còn không có người mua. Do vậy có thể xem xét và có quy định để tạo điều kiện cho việc xử lý các tài sản liên quan đến kê biên, xử lý tài sản thi hành án đó là khi Cơ quan thi hành án đã kê biên các tài sản là công trình xây dựng trên đất thuê



trả tiền hàng năm của nhà nước thì trên cơ sở đề nghị của cơ quan thi hành án và người mua được tài sản đấu giá thì cấp có thẩm quyền sẽ thu hồi đất và cho người mua tài sản đấu giá thuê khi sử dụng đất đúng quy hoạch (nếu người mua trúng đấu giá có nhu cầu).

2.3.7. Bản án số 03/2014/KDTM-PT ngày 24/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và Quyết định thi hành án số 09/QĐ-CCTHA ngày 03/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình cho thi hành án nội dung: buộc Công ty TNHH Trần Việt, địa chỉ: số 314, phố Lê Quý Đôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn với tổng số tiền 29.112.088.000đ.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH Trần Việt không trả được nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản bảo đảm tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 167B/HĐTC-MSBTB ngày 20/8/2010 là diện tích đất 172,8m<sup>2</sup> và nhà 02 tầng tại thửa đất số 147 tờ bản đồ số 03 thuộc số nhà số 310 + 312 phố Lê Quý Đôn, tổ 19, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình đứng tên ông Nguyễn Mạnh Tường và bà Đỗ Thị Phương; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 215/HĐTC-MSBTB ngày 17/12/2010 gồm diện tích đất 121m<sup>2</sup> và nhà 03 tầng tại thửa đất số 148 tờ bản đồ số 03 thuộc nhà số 314 phố Lê Quý Đôn, tổ 19, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình đứng tên anh Trần Nam Việt và chị Nguyễn Thị Mai Anh; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15A/HĐTC-MSBTB ngày 03/02/2010 gồm diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> và công trình xây dựng trên đất tại thửa số 144 + 145 tờ bản đồ số 03, thuộc số nhà 308, phố Lê Quý Đôn, tổ 19, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình đứng tên anh Trần Nam Việt và chị Nguyễn Thị Mai Anh để đảm bảo thi hành án.

Quá trình thi hành án xác định người phải thi hành án là anh Trần Nam Việt và chị Nguyễn Thị Mai Anh không trả được nợ, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình phát mại, xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo việc thi hành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tuy nhiên, trước khi Bản án có hiệu lực pháp luật thì căn nhà số 308, phố Lê Quý Đôn, tổ 19, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình của anh Trần Nam Việt và chị Nguyễn Thị Mai Anh đã bị ông Ngô Sương Triều và ông Ngô Thanh Sở đến chiếm dụng trái phép và sửa chữa, tôn tạo một số tài sản trên diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> này. Phần quyết định của Bản án có tuyên xử: *“Buộc ông Ngô Thanh Sở và ông Ngô Sương Triều phải tháo dỡ các tài sản gồm (...) để trả lại cho anh Trần Nam Việt và chị Nguyễn Thị Mai Anh ngôi nhà trên diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> tại thửa đất số 144 +145 tờ bản đồ số 03, thuộc ngôi nhà số 308 phố Lê Quý Đôn, tổ 19, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình”*.

Vấn đề đặt ra, hiện nay ông Sở và ông Thanh vẫn đang sử dụng, quản lý nhà và các tài sản trên diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> của anh Việt và chị Mai Anh thì cơ quan thi hành án sẽ tiến hành kê biên tài sản này đối với ai? Khi kê biên thì các tài sản của ông Sở, ông Thanh tôn tạo, lắp đặt trái phép xử lý như thế nào?

Để tháo gỡ vướng mắc trên trong việc xử lý tài sản đảm bảo thi hành án của anh Việt, chị Mai Anh, Cơ quan thi hành án đã hướng dẫn ông Sở, ông Thanh và anh Việt, chị Mai Anh làm đơn yêu cầu thi hành án nội dung ông Sở, ông Thanh tháo dỡ tài sản để trả lại nhà cho anh Việt, chị Mai Anh. Nhưng cả hai bên đều không làm đơn yêu cầu thi hành án nội dung này.

Chính vì vậy, đến nay Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình chưa có hướng xử lý đối với tài sản đảm bảo thi hành án là ngôi nhà số 308 trên diện tích đất 122,2m<sup>2</sup> mà ông Ngô Thanh Sở và ông Ngô Sương Triều đang chiếm dụng trái phép.

2.3.8. Bản án số 01/2014/KDTM-PT ngày 19/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình; Quyết định Thi hành án số 298/QĐ-CCTHA ngày 14/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy thì Công ty CPVTB Vương Thanh Vinh, địa chỉ 123, đường 39B, xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình do bà Trịnh Thị Thuý làm giám đốc đại diện phải thanh toán cho Công ty TNHHVTB Trường Giang, địa chỉ: xóm Xuân Lập, xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tổng số tiền 344.980.690 đồng. Qua cung cấp của Công ty TNHHVTB Trường Giang thì Công ty CPVTB Vương Thanh Vinh có tài sản là: Tàu Thanh Vinh 68 và tàu Thanh Vinh 01-BIDV.

Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của Công ty CPVTB Vương Thanh Vinh thấy:

- Tại địa chỉ 123, đường 39B, xã Thụy Hà hiện nay vẫn treo biển Công ty CPVTB Vương Thanh Vinh nhưng Công ty không có tài sản, hoạt động gì.

- Công ty có mở 01 tài khoản giao dịch tại ngân hàng nhưng hiện nay số dư tài khoản chỉ ở mức tối thiểu là 50.000đ.

- Cung cấp của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt và Công ty Vương Thanh Vinh: Công ty có 3 tàu biển gồm tàu Thanh Vinh 68, tàu Thanh Vinh 88 và Tàu Thanh Vinh 01 - VIDB. Trong đó, Tàu Thanh Vinh 68 và Tàu Thanh Vinh 88 hiện nay đang là tài sản thế chấp vay vốn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Do không trả nợ đúng hạn nên đối với Tàu Thanh Vinh 68 Ngân hàng không tiếp tục cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển, hiện nay tàu đang được neo đậu tại cảng khu vực Hải Phòng và không hoạt động vận tải; Tàu Thanh Vinh 88, từ tháng 8/2013 do bị đắm đã được trục vớt nhưng Công ty chưa khắc phục sửa chữa nên không còn khả năng hoạt động. Tàu Thanh Vinh 01-VIDB là tài sản Công ty cho thuê tài chính cho thuê tài chính TNHH MTV BIDV-Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 07-2760-02274/HĐCTTC ngày 24/8/2007. Hiện nay Tàu Thanh Vinh 01-BIDV đang hoạt động, khai thác bình thường.

- Ý kiến của bà Thúy là người đại diện theo pháp luật của Công ty CPVTB Vương Thanh Vinh: Không chấp nhận nội dung bản án đã tuyên và đang có đơn đề nghị Tòa án tối cao xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm. Mặt khác, theo bà Thúy thì Hợp đồng vận tải hàng hóa được ký kết (19/6/2012) trước thời điểm ông Thanh và bà Thúy thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần (10/4/2013) bà Thúy không hề biết về việc ký hợp đồng này và căn cứ vào biên bản thỏa thuận thì Công ty Vương Thanh Vinh hiện nay không phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ theo bản án đã tuyên.

- Đại diện Công ty TNHH VTB Trường Giang đang nghiên cứu phương án làm đơn yêu cầu bắt giữ tàu biển để thi hành án theo Pháp lệnh Bắt giữ tàu biển, đề nghị Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy nhận đơn và chuyển Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Khó khăn trong quá trình thi hành án đó là việc chuyển nhượng doanh nghiệp, không đảm bảo thực hiện quyền lợi của bên thứ ba. Việc bắt giữ, xử lý tài sản là tàu thuyền là rất khó khăn, đặc biệt hiện tàu không neo đậu trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2.3.9. Theo Bản số 01/2013/KDTM-ST ngày 13/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và Quyết định thi hành án số 03/QĐ-CTHA ngày 01/10/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình thì Công ty cổ phần Khánh Cường, địa chỉ: thôn Ry Phúc, xã Thụy Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình phải thanh toán tiền thuê tài chính cho Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tổng số tiền là: 25.566.632.459đ. Đồng thời phải bàn giao tài sản thuê là 01 tàu vận tải biển chở hàng khô trọng tải 3.232,8 tấn mang tên Khánh Cường 27-BIDV (Tàu Khánh Cường 27-BIDV) cho Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Công ty cho thuê tài chính); địa điểm giao nhận Tàu tại cảng Vật Cách, thành phố Hải Phòng. Sau khi thu hồi được tài sản, Công ty cho thuê tài chính có trách nhiệm tiến hành xử lý tài sản theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản (sau khi trừ các chi phí hợp lý) sẽ được khấu trừ vào số nợ mà Công ty Khánh Cường phải trả.

Quá trình tổ chức thi hành án Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã cung cấp thông tin về tài sản như sau:

- Hiện nay Tàu Khánh Cường 27-BIDV đang bị một cá nhân bên Trung Quốc chiếm hữu.

- Địa điểm Tàu Khánh Cường 27-BIDV neo đậu tại cảng Kỳ Xá, thuộc tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

Vụ việc có liên quan đến tàu ở nước ngoài và đang có tranh chấp với công dân nước ngoài nên rất khó thi hành cả về thể chế cũng như thực tiễn tổ chức thi hành.

## **Kết luận chương 2**

Thực trạng kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại qua thực tiễn tỉnh Thái Bình thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, số lượng việc phải thi hành về loại việc liên quan đến kinh doanh, thương mại ngày càng có xu hướng tăng nhanh, đặc biệt là số tiền phải thi hành ngày càng lớn. Trong khi số việc chiếm tỷ lệ tương đối thấp so với tổng số việc thụ lý nhưng số tiền tương ứng lại chiếm tỷ lệ rất lớn (thường chiếm hơn 60% trong tổng số tiền phải thi hành). Nhìn chung chất lượng thi hành án liên quan đến kinh doanh, thương mại nói chung và việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đề ra.

### CHƯƠNG 3

## NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KÊ BIÊN, XỬ LÝ TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI

### 3.1. Những hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong việc kê biên, xử lý tài sản thi hành án kinh doanh, thương mại qua thực tiễn tỉnh Thái Bình

Qua nghiên cứu và từ thực tiễn thi hành án kinh doanh, thương mại tại Thái Bình thời gian qua, có thể thấy hiện nay công tác thi hành án liên quan đến kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của công tác thi hành án dân sự nói chung và việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng. Đó là:

#### 3.1.1. Hạn chế và khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn

3.1.1.1. Việc thực hiện các quy định về kê biên tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại trên thực tế chưa triệt để, thể hiện qua số liệu các vụ việc có điều kiện về tài sản, đương sự không tự nguyện thi hành án nhưng cơ quan thi hành án không áp dụng biện pháp kê biên, mặc dù trong trường hợp này Luật quy định phải áp dụng biện pháp kê biên.

3.1.1.2. Việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong công tác thi hành án nói chung và kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng chưa đảm bảo theo quy định, chưa mang lại hiệu quả cao.

3.1.1.3. Trong quá trình thi hành án, người phải thi hành án hầu như là chống đối, không tự nguyện thi hành án. Việc chống đối của người phải thi hành án thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như: không nhận quyết định thi hành án, cản trở việc cơ quan thi hành án tiến hành xác minh tài sản để thi hành án, cản trở việc kê biên tài sản để thi hành án.... Khi kiểm tra, xác minh tài sản gặp sự chống đối quyết liệt của các đương sự. Hoặc người phải thi hành án cố tình vắng mặt khỏi nơi cư trú, nơi đăng ký kinh doanh nên việc giao nhận các giấy tờ về thi hành án sẽ mất nhiều thời gian bởi cơ quan thi hành án phải tiến hành xác minh tại địa phương sau

đó niêm yết hoặc thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng toàn bộ văn bản để tiến hành cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản để thi hành án.

3.1.1.4. Tài sản thế chấp của doanh nghiệp đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng rất đa dạng, trong đó có các tài sản là động sản, như: ô tô, tàu thuyền .... Tuy nhiên, khi người được thi hành án cung cấp thông tin về tài sản của người phải thi hành án cũng như quá trình làm việc, xác minh của Cơ quan Thi hành án thì không xác định được cụ thể tài sản thế chấp hiện đang ở đâu, hiện trạng giá trị sử dụng như thế nào, mà chỉ có thể cung cấp được hồ sơ thế chấp cũng như thông tin chung chung về tài sản thế chấp. Điều này gây vướng mắc rất lớn cho việc xử lý tài sản.

3.1.1.5. Trong quá trình thực hiện thủ tục thế chấp, cho vay, nhiều trường hợp tổ chức tín dụng, ngân hàng không xác định kỹ hiện trạng, nguồn gốc, giá trị tài sản; một tài sản được thế chấp ở nhiều nơi; nhận thế chấp quyền sử dụng đất nhưng lại không nhận thế chấp tài sản trên đất; không làm tốt khâu thẩm định giá để cho vay nên giá trị thế chấp cao hơn giá trị thực của tài sản bảo đảm. Đặc biệt, trong giai đoạn tố tụng tại Tòa án, với những loại việc công nhận thỏa thuận của các đương sự, tình trạng ranh giới, mốc giới bất động sản không chính xác, không xác định mốc giới, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nhưng không có bản vẽ hiện trạng, các công trình trên đất không phù hợp như lúc giao kết hợp đồng, dẫn đến đến giai đoạn thi hành án, việc xử lý tài sản thế chấp gặp rất nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến kết quả công tác thi hành án dân sự.

3.1.1.6. Việc kê biên tài sản của doanh nghiệp đang có người lao động hiện nay gặp rất nhiều khó khăn.

3.1.1.7. Việc thi hành án có liên quan đến yếu tố nước ngoài thực tiễn gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng.

### **3.1.2. Hạn chế và khó khăn, vướng mắc về mặt thể chế:**

3.1.2.1. Pháp luật về thi hành án dân sự chỉ quy định xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà chưa quy định cụ thể tài sản bảo lãnh:

Điều 90 Luật THADS quy định: Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp: “1. Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản

của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án”. Khi tiến hành kê biên tài sản đảm bảo nợ vay, pháp luật về thi hành án dân sự quy định vẫn chưa đầy đủ và phù hợp với Bộ luật dân sự hiện hành. Khoản 1 Điều 318 Bộ luật dân sự quy định: *“Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự bao gồm:*

- a) Cầm cố tài sản;*
- b) Thế chấp tài sản;*
- c) Đặt cọc;*
- d) Ký cược;*
- đ) Ký quỹ;*
- e) Bảo lãnh;*
- g) Tín chấp”.*

Thực tế hiện nay, các doanh nghiệp và các ngân hàng, tổ chức tín dụng thông thường sử dụng các biện pháp thế chấp và bảo lãnh để bảo đảm cho khoản vay (thường tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ vay là tài sản có thực cũng có thể là tài sản hình thành trong tương lai: là bất động sản hoặc dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị) nên không thể thực hiện biện pháp cầm cố được (biện pháp cầm cố tài sản thì bên cầm cố phải giao tài sản của mình cho bên nhận cầm cố, còn biện pháp thế chấp thì bên thế chấp dùng tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự, nhưng không chuyển giao tài sản của mình cho bên nhận thế chấp). Còn tài sản bảo lãnh cho khoản vay thì các quy định pháp luật thi hành án chưa đề cập một cách logic nên khó khăn trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong trường hợp tài sản bảo lãnh. Bên cạnh đó việc Điều luật quy định nếu tài sản thế chấp lớn hơn nghĩa vụ thế chấp thì vẫn tiến hành kê biên, vướng mắc trong trường hợp này là không có thể chế để Chấp hành viên xác định xem giá trị tài sản thế chấp có lớn hơn nghĩa vụ thế chấp hay không, chấp hành viên thì không thể tự mình xác định giá trị tài sản trong trường hợp này được vì bản thân Chấp hành viên không có khả năng thẩm định giá các tài sản thế chấp và như vậy gặp khó khăn, lúng túng trong thực tiễn xử lý các trường hợp này.



3.1.2.2. Cũng tại Điều 90 Luật THADS, các quy phạm pháp luật không chỉ rõ thứ tự xử lý tài sản cầm cố, thế chấp. Việc quy định như vậy khi áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên là các tài sản cầm cố, thế chấp không có ngoại lệ, Chấp hành viên vẫn phải thực hiện theo các điều luật để chứng minh người phải thi hành án không có tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án mới tiến hành kê biên tài sản đã cầm cố, thế chấp. Trong khi đó, khoản 2 Điều 318 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Trong trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định về biện pháp bảo đảm thì người có nghĩa vụ phải thực hiện biện pháp bảo đảm đó”*. Điều này gây mất thời gian và không cần thiết đối với Chấp hành viên, trong khi Chấp hành viên phải thực hiện đồng thời nhiều vụ việc, xử lý các nghiệp vụ không kịp thời, tạo ra thời gian để những người phải thi hành án có cơ hội tẩu tán tài sản, đồng thời không thống nhất giữa quy định giữa Luật Thi hành án dân sự và Bộ luật dân sự.

3.1.2.3. Tài sản nhà đất trong khu công nghiệp thường là đất thuê. Trường hợp đất thuê trả tiền hàng năm theo quy định của Luật Đất đai thì Chấp hành viên cơ quan Thi hành án không có quyền kê biên, xử lý.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật THADS đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì: *“Chấp hành viên chỉ kê biên quyền sử dụng đất của người phải thi hành án thuộc trường hợp được chuyển quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai”*.

Trong khi đó, Điều 175 Luật Đất đai năm 2013 quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm như sau:

*“1. Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm có các quyền và nghĩa vụ sau đây:*

*a) Quyền và nghĩa vụ chung quy định tại Điều 166 và Điều 170 của Luật này;*

*b) Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam;*

c) Bán tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 189 của Luật này; người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất theo mục đích đã được xác định;

d) Góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê người nhận góp vốn bằng tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất theo mục đích đã được xác định;

đ) Cho thuê lại quyền sử dụng đất theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm đối với đất đã được xây dựng xong kết cấu hạ tầng trong trường hợp được phép đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng đối với đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế”.

Như vậy, Chấp hành viên sẽ không được phép kê biên, xử lý tài sản của doanh nghiệp và quyền sử dụng đất trong trường hợp doanh nghiệp thuê đất trả tiền hàng năm, mà chỉ được phép kê biên các tài sản của doanh nghiệp trên đất thuê trả tiền hàng năm. Điều này dẫn đến việc bán đấu giá tài sản kê biên rất khó có khách hàng tham gia, bởi lẽ Cơ quan Thi hành án không có cơ sở bảo đảm cho người trúng đấu giá sẽ được cấp giấy chứng nhận đầu tư và sẽ được thuê lại đất trong khu công nghiệp. Đồng thời, cũng làm giảm đáng kể giá trị của tài sản nếu tài sản không gắn liền với đất.

3.1.2.4. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định:

+ Điểm b khoản 1 Điều 47 quy định: “Thành viên của Công ty TNHH hai thành viên trở lên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này”;

+ Khoản 4 Điều 48 quy định: “Trường hợp có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp vốn đủ phần vốn góp theo khoản 2 Điều này. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty

*phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên”.*

+ Khoản 1 Điều 73 quy định: Chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty;

+ Khoản 2 Điều 4 quy định: “*Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần*”; điểm b khoản 1 Điều 110 quy định: “*Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa*”;

+ Điểm c khoản 1 Điều 110 quy định: Cổ đông của công ty cổ phần “*chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp*”;

Căn cứ các quy định trên thì các thành viên góp vốn vào công ty TNHH và cổ đông của công ty cổ phần phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của công ty tương ứng với tỷ lệ vốn góp.

Như vậy, trong trường hợp các thành viên của doanh nghiệp đã góp đủ số vốn đã cam kết góp vào doanh nghiệp thì đương nhiên chỉ chịu trách nhiệm rủi ro của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp. Trong trường hợp doanh nghiệp không còn điều kiện thi hành án mà thành viên góp vốn có tài sản, thu nhập khác đủ để thi hành nghĩa vụ của doanh nghiệp thì đương nhiên, không được phép kê biên, xử lý tài sản của họ.

Tuy nhiên, trong trường hợp các thành viên này chưa góp vốn đủ như đã cam kết - đối với công ty TNHH và cổ đông sáng lập chưa có đủ số cổ phần theo quy định - đối với công ty cổ phần thì trong trường hợp doanh nghiệp là người phải thi hành án không có đủ điều kiện thi hành án mà các thành viên góp vốn có tài sản đủ thi hành nghĩa vụ của doanh nghiệp thì có được kê biên tài sản của họ để thi hành nghĩa vụ của doanh nghiệp không?

Theo khoản 3 Điều 3 Luật THADS đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định: “*Người phải thi hành án là các nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành*”. Như vậy, đối chiếu với quy định này

thì người phải thi hành án ở đây là doanh nghiệp (cụ thể là công ty TNHH và công ty cổ phần) chứ không phải là các thành viên góp vốn vào công ty. Mặt khác, khoản nợ phải thi hành án là khoản nợ của doanh nghiệp, không liên quan gì đến cá nhân thành viên góp vốn vào doanh nghiệp. Nếu thực hiện chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án theo Điều 54 Luật THADS thì cũng không thể thực hiện được vì Điều 54 Luật THADS không điều chỉnh trường hợp này nên trên thực tế vấn đề trên vẫn còn vướng mắc, chưa thực hiện được.

3.1.2.5. Trong thực tiễn thi hành án phát sinh tình huống người phải thi hành án là thành viên góp vốn bằng tài sản là nhà ở, quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp thuộc loại hình công ty TNHH và công ty cổ phần. Ngoài tài sản đã góp vốn vào doanh nghiệp thì họ không còn bất cứ một tài sản nào hoặc nguồn thu nhập nào khác đủ để thực hiện nghĩa vụ thi hành án; hoặc có tài sản và nguồn thu nhập nhưng vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Điều 92 Luật THADS quy định: *“Chấp hành viên có quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người phải thi hành án có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của người phải thi hành án để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, Chấp hành viên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của người phải thi hành án; trưng cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của người phải thi hành án để cưỡng chế thi hành án”*.

Tuy nhiên, trong thực tế vấn đề này gặp rất nhiều khó khăn. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì vốn góp của các thành viên được thể hiện trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Nhưng tại thời điểm thành viên của doanh nghiệp này phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì không có cơ sở xác định số vốn góp của họ vào doanh nghiệp là bao nhiêu, được thể hiện ở dạng cụ thể nào (tiền hoặc tài sản). Mặc dù Luật THADS đã cho Chấp hành viên có quyền trưng cầu ý kiến của cơ quan, cá nhân chuyên môn xác định phần vốn góp của người phải thi hành án nhưng trên thực tế đây là việc rất khó khăn và khó thực hiện vì tài sản lúc này đã là tài sản của doanh nghiệp. Nếu Chấp hành viên có xác định được phần vốn góp của người phải thi hành án thì khi kê biên cũng gặp rất nhiều sự chống đối, gây

khó khăn từ phía doanh nghiệp, vì nếu kê biên thì kê biên tài sản của doanh nghiệp mà doanh nghiệp lại không phải là người phải thi hành án.

3.1.2.6. Điều 95 Luật Thi hành án dân sự quy định đã kê biên nhà thì phải kê biên cả quyền sử dụng đất...Tuy nhiên, trong thực tế có rất nhiều trường hợp nhà thì của người phải thi hành án nhưng đất lại mang tên người khác. Do vậy trường hợp này mặc dù người phải thi hành án có tài sản nhưng cơ quan thi hành án không thể kê biên, xử lý được hay có trường hợp một phần nhà của người phải thi hành án nằm trên đất của người khác, khi cơ quan thi hành án tổ chức thi hành án thì không kê biên được vì người có đất không đồng ý cho kê biên đất của họ.

### **3.2. Nguyên nhân**

#### **3.2.1. Nguyên nhân chủ quan:**

- Tinh thần trách nhiệm, trình độ năng lực, bản lĩnh nghề nghiệp của một số cán bộ, Chấp hành viên chưa cao. Chưa thực hiện đầy đủ yêu cầu trong việc xác minh điều kiện thi hành án, đơn đốc và áp dụng các biện pháp cần thiết để thi hành dứt điểm những bản án, quyết định có điều kiện thi hành;

- Vai trò lãnh đạo, điều hành, tham mưu, thực hiện phối hợp của một số Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện chưa triệt để, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

#### **3.2.2. Nguyên nhân khách quan:**

- Tình hình sản xuất kinh doanh ít có sự biến chuyển tích cực, thị trường bất động sản chưa phục hồi nên một số trường hợp đã kê biên tài sản nhưng đưa ra bán đấu giá nhiều lần giảm giá mà chưa bán được, nhất là các tài sản có giá trị lớn, tài sản là bất động sản;

- Ý thức tuân thủ pháp luật của người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn chưa cao, tình trạng đưng sự cố tình chây ì, tẩu tán tài sản, chống đối quyết liệt còn xảy ra phổ biến. Tình trạng khiếu nại, tố cáo phức tạp vượt cấp nhằm mục đích kéo dài việc thi hành án còn khá phổ biến, đòi hỏi cơ quan Thi hành án dân sự mất nhiều thời gian vào việc nghiên cứu hồ sơ, xác minh, giải quyết;

- Trong quá trình tiến hành thủ tục thế chấp, cho vay, có tình trạng tổ chức tín dụng, ngân hàng không xác định kỹ hiện trạng, nguồn gốc, giá trị tài sản; quyền sử dụng đất thế chấp ở một ngân hàng, tài sản trên đất lại thế chấp ở ngân hàng

khác; không làm tốt khâu thẩm định giá để cho vay nên cho vay cao hơn giá trị thực của tài sản; chưa có sự phối hợp tích cực, chủ động với cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan, đơn vị hữu quan để tháo gỡ vướng mắc... Nhiều trường hợp đến giai đoạn thi hành án, khi cơ quan thi hành án tiến hành xác minh thì tài sản đã bị tẩu tán, không còn giá trị;

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm sâu sát đến công tác thi hành án dân sự, còn có biểu hiện coi đây là việc của cơ quan thi hành án. Một số cơ quan có liên quan chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm phối hợp của mình trong công tác thi hành án dân sự;

- Các quy định giữa pháp luật chuyên ngành và luật nội dung liên quan đến việc thi hành án nói chung và kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng còn có sự chồng lấn, mâu thuẫn gây khó khăn không nhỏ cho việc tổ chức thi hành án và kê biên, xử lý tài sản thi hành án kinh doanh, thương mại.

### **3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại**

Từ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trên, trong đó có cả nguyên nhân chủ quan về phía Chấp hành viên và Cơ quan thi hành án và những nguyên nhân khách quan mang lại, tôi đề xuất một số giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm hoàn thiện về thể chế cũng như thi hành án đạt hiệu quả cao nhất.

#### **3.3.1. Công tác hỗ trợ**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật;

- Quan tâm đến chất lượng đời sống của cán bộ, Chấp hành viên làm công tác thi hành án dân sự thông qua cơ chế đảm bảo các chế độ, chính sách, an sinh cho cán bộ, Chấp hành viên làm công tác thi hành án dân sự;

- Tăng cường tỷ lệ Chấp hành viên làm công tác chuyên môn cho cơ sở, *“trong khi lượng việc, tiền phải thi hành ngày càng lớn, án liên quan đến tín dụng ngân hàng ngày càng nhiều, giá trị lớn, thi hành rất khó khăn nhưng biên chế không tăng mà lại giảm. Chính vì thế, Tổng cục đề nghị Bộ trưởng xem xét, bổ sung 30 biên chế cho Tổng cục. Đối với địa phương đề nghị tăng tỷ lệ Chấp hành viên từ*

41% lên 53,54% trên tổng số công chức theo Đề án vị trí việc làm đã được Bộ Nội vụ thẩm định để giảm áp lực cho Chấp hành viên”. (Phát biểu của Tổng cục trưởng Hoàng Sỹ Thành tại buổi làm việc của Bộ trưởng Lê Thành Long với Tổng cục THADS ngày 31/5/2016)

- Không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, kỹ năng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Chấp hành viên. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ có hiệu quả để cán bộ, công chức làm công tác chuyên môn nắm vững nghiệp vụ, đặc biệt các văn bản mới ban hành;

- Xử lý nghiêm khắc đối với những sai phạm và khen thưởng, động viên kịp thời đối với cán bộ, Chấp hành viên làm tốt công tác thi hành án; có cơ chế mạnh hơn nữa để xử lý đối với những người phải thi hành án không có ý thức chấp hành án;

- Tăng cường cơ chế quản lý kinh tế, đặc biệt là hoạt động tín dụng. Phải có cơ chế trách nhiệm với các tổ chức tín dụng, ngân hàng, đặc biệt là đối với các tổ chức tín dụng, ngân hàng có vốn đầu tư của Nhà nước để tránh tình trạng thẩm định không triệt để, cho vay quá cao so với giá trị thực của tài sản. Và đến khi làm ăn thua lỗ thì xử lý tài sản không còn được bao nhiêu, không thu hồi được hoặc thu hồi được phần nhỏ số tiền đã cho vay. Đây cũng là một yếu tố không nhỏ ảnh hưởng đến cách nhìn nhận, đánh giá của xã hội về công tác thi hành án nói chung và thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng, tránh việc có ý kiến cho rằng công tác thi hành án dân sự hoạt động kém hiệu quả.

- Các hệ thống tín dụng, ngân hàng, doanh nghiệp phải mua bảo hiểm tài sản để có cơ chế giám sát, bảo đảm an toàn cho hoạt động kinh doanh, thương mại.

- Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tổ chức kê biên tài sản đảm bảo thi hành án dân sự ngay từ khâu xét xử nhằm tránh tình trạng đương sự có thể lợi dụng thời gian tố tụng để tẩu tán tài sản;

- Có cơ chế trách nhiệm cụ thể trong quản lý tài sản thế chấp và tài sản đã kê biên đảm bảo thi hành án. Xử lý nghiêm, kể cả về hình sự nếu có hậu quả lớn xảy ra, hiện nay cơ chế này hãy còn chung chung, chưa rõ ràng.

- Công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo đơn vị cần được tăng cường hơn nữa, bởi đây là yếu tố rất quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thi hành án.

Mặc dù Chấp hành viên là người được giao tổ chức thi hành án theo pháp luật, nhưng việc quản lý, điều hành của lãnh đạo lại là yếu tố quan trọng, đặc biệt trong điều kiện đặc thù của việc thi hành án là công tác phối hợp trong nội bộ cơ quan cũng như phối hợp với các ban, ngành hữu quan. Điều này cũng tạo điều kiện để Chấp hành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp cần quan tâm chỉ đạo phối hợp và tạo điều kiện hơn nữa để Cơ quan thi hành án thực hiện tốt nhiệm vụ. Các cơ quan hữu quan trong phạm vi chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ được giao cần thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong công tác thi hành án nói chung và kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng.

- Cần tăng cường cơ chế giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp thời gian qua đã thực hiện tốt nhưng hiệu quả còn ở mức độ, chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện trách nhiệm giám sát; chưa kiến nghị để cấp ủy, chính quyền chỉ đạo xử lý giải quyết đối với những việc cần kê biên, xử lý tài sản; chưa kiến nghị đến các cơ quan hữu quan yêu cầu thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phối hợp thi hành án.

- Tăng cường việc kiểm sát công tác thi hành án dân sự, không chỉ kiểm sát cơ quan thi hành án mà cần thực hiện kiểm sát hoạt động của cả các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Luật thi hành án. Kịp thời kiến nghị để các cơ quan, đơn vị cá nhân có liên quan thực hiện đầy đủ trách nhiệm liên quan đến công tác thi hành án dân sự và việc kê biên, xử lý tài sản thi hành án.

### **3.3.2. Về thể chế:**

- **Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011:** cần thiết bổ sung, làm rõ các quy định về trình tự, cách thức để cơ quan thi hành án thực hiện yêu cầu giải quyết các vụ việc dân sự liên quan đến việc xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo yêu cầu của người được thi hành án hoặc Chấp hành viên. Khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 ghi nhận: người được thi hành án, Chấp hành viên có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy



nhiên, tài sản yêu cầu phân chia là tài sản của người phải thi hành án, không phải tài sản của người được thi hành án cũng như của Chấp hành viên. Trong khi đó, Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định về trình tự, thủ tục, cách thức để người được thi hành án và Chấp hành viên thực hiện quyền này. Do vậy, thực tiễn rất khó thực hiện, còn nhiều vướng mắc, chưa thống nhất thực hiện giữa Cơ quan Thi hành án dân sự và Tòa án nhân dân; Tương tự, việc giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản theo yêu cầu của đương sự, Chấp hành viên theo khoản 1 Điều 102 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và giải quyết việc bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy theo khoản 3 Điều 102 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 chưa được pháp luật về tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành hướng dẫn về cách thức, trình tự thực hiện như thế nào.

- **Luật Doanh nghiệp năm 2014:** Cần thiết bổ sung quyền và nghĩa vụ của các thành viên góp vốn mà chưa góp đủ số vốn đã cam kết (đối với công ty TNHH) và chưa đủ cổ phần bắt buộc (đối với công ty cổ phần) khi họ là thành viên của doanh nghiệp.

- **Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014:**

- Hiện nay Luật Thi hành án chưa đề cập đến khoản thu thuế cho Nhà nước. Do vậy, Điều 47 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung cần thiết phải bổ sung khoản thanh toán này trước khi thanh toán cho người được thi hành án. Ví dụ: trong quá trình tổ chức kê biên, xử lý tài sản của Công ty Cổ phần Hồng Phú thì cơ quan Thuế có đề nghị khi xử lý tài sản của Công ty thì Cơ quan Thi hành án tạo điều kiện xử lý khoản nợ thuế của Công ty trước khi thanh toán các khoản nợ khác. Đây cũng là vấn đề cần thiết được đặt ra. Bởi khoản nợ thuế là thu cho ngân sách nhà nước, khi xử lý tài sản kê biên, bán đấu giá của người phải thi hành án thì cần thiết phải ưu tiên cho khoản thu này.

+ Điều 74 cần thiết quy định bổ sung trường hợp chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong trường hợp các thành viên góp vốn mà chưa góp đủ số vốn đã cam kết (đối với công ty TNHH) và chưa đủ cổ phần bắt buộc (đối với công ty cổ phần) khi họ là thành viên của doanh nghiệp thì phải thực hiện thay nghĩa vụ cho doanh nghiệp.

+ Điều 90 cần thiết bổ sung hình thức “Bảo lãnh” để phù hợp với Điều 318 Bộ luật Dân sự và phù hợp với thực tế quan hệ dân sự trong đời sống xã hội;

+ Cũng tại Điều 90 cần thiết quy định trường hợp tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh thì cần có hành lang pháp lý cần thiết để Chấp hành viên xác định giá trị tài sản thế chấp xem có lớn hơn đảm bảo nghĩa vụ thế chấp hay không để có cơ sở áp dụng biện pháp cưỡng chế, kê biên.

+ Cần có quy định về trình tự, thủ tục để Chấp hành viên có cơ sở để xác định giá trị tài sản có lớn hơn nghĩa vụ thế chấp, cầm cố hay không để làm cơ sở kê biên, xử lý theo Điều 90 Luật Thi hành án dân sự.

- Điều 94 Luật Thi hành án dân sự: Khi pháp luật không cho phép Chấp hành viên kê biên quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm của người phải thi hành án thì cần thiết phải tạo điều kiện cho người mua trúng đấu giá và cũng là tạo điều kiện thuận lợi cho Chấp hành viên khi xử lý tài sản kê biên, đồng thời đảm bảo được giá trị của tài sản kê biên. Do vậy, kiến nghị bổ sung quy định sau khi bán đấu giá các tài sản trên đất thì người mua trúng đấu giá có quyền thuê lại diện tích đất nơi có tài sản trúng đấu giá với thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất giữa người phải thi hành án và cơ quan có thẩm quyền.

+ Cần thiết xem xét sửa đổi Điều 95 Luật Thi hành án dân sự theo hướng trong trường hợp cụ thể Chấp hành viên có thể có quyền kê biên cả nhà của người phải thi hành án và đất, sau đó thông báo cho đương sự, người có đất hoặc Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần giá trị tài sản là nhà của người phải thi hành án để đảm bảo thi hành án và thanh toán phần giá trị của đất đó cho người có đất như vậy mới đảm bảo công bằng và đảm bảo cho thực hiện quyền cũng như nghĩa vụ của người được và người phải thi hành án.

Trường hợp đương sự lợi dụng Điều 95 Luật Thi hành án dân sự để xây dựng, tôn tạo thêm sau khi thế chấp tài sản trên diện tích đất của người khác nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Do vậy, kiến nghị: sau khi thực hiện các thủ tục cần thiết, Chấp hành viên vẫn có quyền kê biên cả đất và tài sản của người phải thi hành án, sau khi xử lý thì thanh toán lại giá trị diện tích đất của người có đất. Có như vậy mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người nhận thế chấp, người được thi hành án và đồng

thời cũng hạn chế việc người phải thi hành án, người có tài sản thế chấp lợi dụng, gây khó khăn cho cơ quan thi hành án.

Cũng từ nội dung này cần thiết phải có cơ chế trách nhiệm đối với bên thế chấp khi có sự thay đổi hiện trạng tài sản thế chấp mà không có sự thỏa thuận hoặc thống nhất giữa các bên.

+ Cần có những quy định cụ thể làm cơ sở để giải quyết các vấn đề liên quan đến người lao động khi thực hiện kê biên, xử lý tái sản của doanh nghiệp để đảm bảo thi hành án.

- **Về vấn đề tương trợ tư pháp:** Cần thiết lập các quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực thi hành án dân sự, để có cơ chế đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện.

### **Kết luận chương 3**

Biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại được thực hiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng như bảo vệ sự nghiêm minh của pháp luật.

Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này đã đem lại những hiệu quả tích cực cho hoạt động thi hành án dân sự. Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành vẫn còn bộc lộ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc. Trong đó có cả nguyên nhân chủ quan về phía Chấp hành viên và Cơ quan thi hành án và những nguyên nhân khách quan mang lại.

Qua nghiên cứu và trải nghiệm thực tiễn thi hành án liên quan đến kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình, tác giả đã đưa ra những giải pháp tổng thể, đồng thời kiến nghị, đề xuất về thể chế cũng như các công tác hỗ trợ khác nhằm nâng cao chất lượng thi hành án nói chung và việc áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng; đặc biệt trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật thống nhất, mang tính đồng bộ trên mọi lĩnh vực.

## KẾT LUẬN

Thi hành án dân sự là hoạt động thực thi pháp luật góp phần quan trọng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và mọi công dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trong thời đại hiện nay việc hội nhập kinh tế quốc tế, các quan hệ kinh tế trong và ngoài nước ngày càng diễn ra sôi động và phức tạp, biến động không ngừng, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Cùng với nó là các mối quan hệ pháp luật về kinh doanh, thương mại ngày càng phát sinh. Chính vì vậy, việc kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại ngày càng có vai trò, vị trí quan trọng trong việc thực thi, hoàn thiện pháp luật, góp phần bảo vệ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua, công tác kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình luôn được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp, của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh. Kết quả kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án nói chung và thi hành án kinh doanh, thương mại nói riêng đã cơ bản có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì tỷ lệ việc thi hành án kinh doanh, thương mại của tỉnh vẫn còn tương đối lớn, đặc biệt về giá trị thi hành.

Khi thực hiện luận văn tác giả đã nghiên cứu một số vấn đề về lý luận về kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh thương mại và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Thái Bình, nêu lên một số khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong thực tiễn gặp phải, từ đó tìm ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục.

Kết quả đạt được của Luận văn là đã đánh giá được thực trạng, chất lượng thi hành án kinh doanh, thương mại nói chung và việc áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản trong thi hành án kinh doanh, thương mại tại tỉnh Thái Bình nói riêng. Trong phạm vi Luận văn này mặc dù đã có cố gắng, song vẫn còn một số vấn đề tác giả nghiên cứu và trình bày chưa được thấu đáo, rất mong được sự chỉ dẫn của các thầy, các cô và sự chia sẻ của đồng nghiệp và bạn bè để tác giả tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện trong thời gian tới.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2015), *Quy chế số 01/QCLN/NHNNVN-BTP ngày 18/3/2015 phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự*, Hà Nội;
2. Bộ Tư pháp (2011), *Thông tư số 22/2011/TT-BTP ngày 02/12/2011 về việc hướng dẫn thực hiện một số thủ tục hành chính về thi hành án dân sự*, Hà Nội;
3. Bộ Tư pháp (2015), *Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự năm 2015 và nhiệm kỳ 2011 - 2015, định hướng nhiệm kỳ 2016 - 2020 và nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu năm 2016*, Hà Nội;
4. Bộ Tư pháp (2016), *Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 về hướng dẫn thực hiện một số thủ tục hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự*, Hà Nội;
5. Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính (1997), *Thông tư liên tịch số 119-TT/LT ngày 04/6/1997 hướng dẫn kê biên tài sản của doanh nghiệp để đảm bảo thi hành án*, Hà Nội;
6. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao(2013), *Quy chế số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 09/10/2013 phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự*, Hà Nội;
7. Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Thông tư liên tịch số 144/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự*, Hà Nội;
8. Chính phủ (2004), *Nghị định số 164/2004/NĐ-CP ngày 14/9/2004 của Chính phủ về kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án*, Hà Nội;
9. Chính phủ (2004), *Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ quy định về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự*, Hà Nội;

10. Chính phủ (2009), *Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự*, Hà Nội;
11. Chính phủ (2010), *Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản*, Hà Nội;
12. Chính phủ (2013), *Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự*, Hà Nội;
13. Chính phủ (2015), *Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội;
14. Chính phủ (2009), *Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự*, Hà Nội;
15. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình (2013, 2014, 2015, 6/2016), *Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự năm*, Thái Bình;
16. Đỗ Thị Lý, *Luận văn thạc sỹ “Thực tiễn thi hành án dân sự ở tỉnh Thái Bình”*, năm 2011;
17. Nguyễn Thanh Thủy (2008), *Luận án tiến sỹ Luật học: “Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay”*, Hà Nội;
18. NXB Thống kê (2009 - 2012), *Sổ tay Chấp hành viên năm 2009 và năm 2012*, Hà Nội;
19. NXB Từ điển Bách Khoa (2006), *Từ điển Luật học*, Hà Nội;
20. NXB Từ điển Bách Khoa (2013), *Từ điển Tiếng Việt*, Hà Nội;
21. Quốc hội (2003 - 2013), *Luật đất đai năm 2003, năm 2013*, Hà Nội
22. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự năm 2015*, Hà Nội;
23. Quốc hội (2005), *Luật Thương mại năm 2005*, Hà Nội;
24. Quốc hội (2006), *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2006*, Hà Nội;

25. Quốc hội (2010), *Luật các tổ chức tín dụng năm 2010*, Hà Nội;
26. Quốc hội (2010), *Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010*, Hà Nội;
27. Quốc hội (2010), *Luật Trọng tài thương mại năm 2010*, Hà Nội;
28. Quốc hội (2012), *Luật Hợp tác xã năm 2012*, Hà Nội;
29. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp năm 2014*, Hà Nội;
30. Quốc hội (2008 - 2014), *Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014*, Hà Nội;
31. Ths. Trần Công Thịnh (2008), *Thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản thi hành án dân sự và một số khuyến nghị*, Hà Nội.
32. Tổng cục Thi hành án dân sự (2015), *Tài liệu tập huấn triển khai các nội dung mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự, các văn bản hướng dẫn thi hành và kỹ năng rà soát, chỉ đạo, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự*, Hà Nội;
33. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1993 – 2004), *Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993 và Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004*, Hà Nội.